

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ



# ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: **GIÁO DỤC MẦM NON**  
Mã ngành: **7140201**

**Cần Thơ, năm 2023**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**



**ĐỀ ÁN**  
**MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

- Tên ngành đào tạo: **GIÁO DỤC MẦM NON**
- Mã số: **7140201**
- Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Cần Thơ**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**

**Cần Thơ, năm 2023**

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>TT</b>	<b>Viết tắt</b>	<b>Viết đầy đủ</b>
1.	BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2.	BLQ	Bên liên quan
3.	CĐR	Chuẩn đầu ra
4.	CNTT	Công nghệ thông tin
5.	CTĐT	Chương trình đào tạo
6.	CTDH	Chương trình dạy học
7.	CVHT	Cổ vấn học tập
8.	ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
9.	ĐHCT	Đại học Cần Thơ
10.	GV	Giảng viên
11.	GS	Giáo sư
12.	HK	Học kỳ
13.	HP	Học phần
14.	KHHT	Kế hoạch học tập
15.	KSP	Khoa Sư phạm
16.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
17.	NH	Người học
18.	PGS	Phó Giáo sư
19.	SV	Sinh viên
20.	TC	Tín chỉ
21.	THPT	Trung học phổ thông
22.	TS	Tiến sĩ

# MỤC LỤC

Trang

<b>DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT</b> .....	i
<b>MỤC LỤC</b> .....	ii
<b>DANH MỤC HÌNH VÀ BẢNG</b> .....	iv
<b>PHẦN 1: ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC</b> .....	1
<b>1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO</b> .....	1
1.1. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo .....	1
1.2. Giới thiệu chung về Trường Đại học Cần Thơ.....	2
1.3. Giới thiệu về Khoa Sư phạm .....	6
<b>2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO</b> .....	9
2.1. Nhu cầu về nguồn nhân lực đối với ngành đào tạo .....	9
2.2. Lý do mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non.....	11
<b>3. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO</b> .....	13
3.1 Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo .....	13
3.2 Các văn bản liên quan quá trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo .....	14
3.3 Chương trình đào tạo tham khảo .....	15
3.4. Khung chương trình đào tạo.....	15
3.5. Kế hoạch đào tạo .....	15
3.6. Điều kiện sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định .....	19
3.7 Hướng dẫn thực hiện chương trình .....	19
3.8 Hướng dẫn thực hiện tích lũy điểm học phần .....	20
3.9 Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo .....	21
<b>4. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO</b> .....	22
4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu.....	22
4.2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên.....	27
<b>5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO</b> .....	28
5.1 Điều kiện cơ sở vật chất hiện hữu bảo đảm mở ngành đào tạo.....	28
5.2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất.....	31
<b>6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO</b> ..	32
6.1. Đơn vị phụ trách quản lý ngành đào tạo.....	32
6.2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở .....	32
<b>7. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO</b> ....	32
7.1. Dự báo các rủi ro khi mở ngành và triển khai tuyển sinh .....	32

7.2. Giải pháp và phương án để ngăn ngừa và xử lý rủi ro .....	33
7.2.1. Giải pháp xử lý trường hợp không tuyển sinh đủ chỉ tiêu hoặc tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện để mở lớp.....	33
7.2.2 Giải pháp xử lý người học bỏ học, trễ tiến độ.....	33
7.2.3. Giải pháp xử lý sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác.....	34
7.2.4. Giải pháp xử lý sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực.....	34
7.2.5. Giải pháp xử lý rủi ro về thị trường lao động .....	35
7.2.6 Giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo	35
<b>PHẦN 2: CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN .....</b>	<b>37</b>
<b>Phụ lục 1:</b> Nghị quyết của Hội đồng trường Trường ĐHCT phê duyệt đề án mở ngành đào tạo và các biên bản thẩm định đề án.....	38
<b>Phụ lục 2:</b> Hồ sơ đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo .....	39
<b>Phụ lục 3:</b> Hồ sơ xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo .....	40
<b>Phụ lục 4:</b> Hồ sơ xác nhận các điều kiện bảo đảm chất lượng ngành đào tạo .....	41
<b>Phụ lục 5:</b> Hồ sơ xác nhận điều kiện tự chủ của Trường Đại học Cần Thơ.....	47

## DANH MỤC HÌNH VÀ BẢNG

	Trang
Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Cần Thơ	3
Hình 2. Sơ đồ tổ chức của Khoa Sư phạm	7
Bảng 1. Khung chương trình đào tạo	15
Bảng 2 Cách quy đổi điểm học phần	20
Bảng 3. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy ngành Giáo dục Mầm non	24
Bảng 4. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá	28
Bảng 5. Thống kê về học liệu trong thư viện Trường Đại học Cần Thơ	29
Bảng 6. Danh sách cán bộ cơ hữu quản lý ngành đào tạo	32

Cần Thơ, ngày 25 tháng 4 năm 2023

## PHẦN 1: ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

### 1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

#### 1.1. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

- Ngành đào tạo: **Giáo dục Mầm non**
- Mã ngành: 7140201
- Hệ đào tạo: Chính quy
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Tổ hợp xét tuyển: **M01** (Văn, Sử, Năng khiếu: Kể chuyện/Đọc diễn cảm),  
**M06** (Văn, Toán, Năng khiếu: Kể chuyện/Đọc diễn cảm),  
**M11** (Văn, Anh văn, Năng khiếu: Kể chuyện/Đọc diễn cảm).

Ngành đào tạo Giáo dục Mầm non trình độ đại học có trong danh mục Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV hiện hành với mã ngành là 7140201 theo quy định trong Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT. Ngành thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành với mã ngành Đào tạo giáo viên và Khoa học giáo dục. Các ngành sư phạm trình độ đại học của Trường được phép đào tạo từ năm 1966, là một trong những ngành được đào tạo đầu tiên khi thành lập Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT). Các ngành sư phạm trình độ đại học được ban hành Thông tư 14/2010/TT-BGDĐT, được quy định trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học theo Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiện tại, Trường ĐHCT có 13 ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học, thu hút trung bình khoảng 1.500 sinh viên (SV) mỗi năm. Trường ĐHCT đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023.

Hội đồng Trường, Trường ĐHCT đã ban hành Nghị Quyết nghị số 92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc mở ngành đào tạo Giáo dục Mầm non trình độ đại học và đã được Hội đồng Trường ĐHCT thông qua trong Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc mở ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học.

Ngành đào tạo Giáo dục Mầm non do Khoa Sư phạm (KSP) trực tiếp quản lý về chuyên môn, đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ đại học. Tính đến thời điểm hiện tại, KSP không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức, quản lý đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ ở các ngành hoặc chuyên ngành đang đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật.

## *1.2. Giới thiệu chung về Trường Đại học Cần Thơ*

Nằm giữa trung tâm của thành phố Cần Thơ và vùng đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL), Trường ĐHCT được thành lập vào năm 1966 với tên gọi là Viện Đại học Cần Thơ bao gồm các khoa: Khoa Khoa học, Khoa Luật khoa và Khoa Khoa học Xã hội, Khoa Văn khoa và Khoa Sư phạm. Đến năm 1975, Trường được đổi tên thành Trường ĐHCT, với các nhiệm vụ chính là đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyên giao công nghệ phục vụ công cuộc phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống và dân trí cho vùng ĐBSCL. Từ những kết quả của các công trình NCKH và hợp tác quốc tế, Trường đã tạo ra nhiều sản phẩm, quy trình công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống và xuất khẩu, tạo được uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

Trường ĐHCT là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở ĐBSCL, là trung tâm văn hóa – khoa học kỹ thuật của vùng. Xuyên suốt 57 năm xây dựng và phát triển, Trường luôn thực hiện tốt vai trò một cơ sở giáo dục công lập đa ngành, đa lĩnh vực, không ngừng tạo ra và lan tỏa tri thức, chuẩn bị khả năng làm việc trình độ cao phù hợp nhu cầu xã hội cho người học. Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển, từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã củng cố, phát triển thành một trường đa ngành, đa lĩnh vực. Tầm nhìn chiến lược phát triển đến năm 2030 đã xác định Trường ĐHCT là nơi hội tụ, giao thoa và sản sinh tri thức - văn hóa - khoa học - công nghệ, tác động và phát triển xã hội bền vững. Hiện tại, Trường ĐHCT có 05 trường, 10 Khoa, 17 Trung tâm, 14 Phòng ban, 3 Viện, 01 Công ty và Trường THPT Thực hành Sư phạm. Sơ đồ tổ chức của Trường ĐHCT được thể hiện ở Hình 1.





**Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Cần Thơ**

Trường đang đào tạo 117 chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học (trong đó có 02 CTĐT tiên tiến, 11 CTĐT chất lượng cao), 51 CTĐT trình độ thạc sĩ (trong đó có 01 ngành đào tạo liên kết nước ngoài và 03 ngành đào tạo bằng tiếng Anh) và 21 CTĐT trình độ tiến sĩ.

Trường hiện có 1.845 công chức, viên chức, trong đó đội ngũ cán bộ cơ hữu của Trường khá mạnh gồm 1.095 giảng viên, trong đó có 18 giáo sư (GS), 163 phó giáo sư (PGS), tổng số cán bộ giảng dạy có trình độ tiến sĩ (TS) là 400 và thạc sĩ là 500 với năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cao, đảm bảo thực hiện tốt nhất nhiệm vụ đào tạo nguồn

nhân lực có chất lượng cao, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Quy mô đào tạo năm 2022 của Trường gồm 46.490 người, trong đó có 43.617 SV (35.593 SV chính quy, 3.759 SV vừa làm vừa học và 4.319 SV đào tạo từ xa), 2.610 học viên thạc sĩ và 263 nghiên cứu sinh đang theo học các CTĐT.

Trường ĐHCT tranh thủ được sự hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương ĐBSCL trong các lĩnh vực đào tạo, hợp tác khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ. Trường đã mở rộng quan hệ hợp tác khoa học kỹ thuật với nhiều tổ chức quốc tế, trường đại học và viện nghiên cứu trên thế giới. Thông qua các chương trình hợp tác, năng lực quản lý và chuyên môn của đội ngũ cán bộ được nâng cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm, tài liệu thông tin khoa học được bổ sung.

Cơ sở vật chất của Trường tọa lạc trên 6 địa điểm: Khu I, Khu II, Khu III, Khu Hòa An, Khu Măng Đen, Khu Vĩnh Châu.

Trường đã tuyên bố tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và xác định mục tiêu giáo dục và cam kết chính sách chất lượng.

- **Tầm nhìn:** Trường ĐHCT là nơi hội tụ, giao thoa và sản sinh tri thức - văn hóa - khoa học - công nghệ, tác động vào phát triển xã hội bền vững.

- **Sứ mệnh:** Đào tạo con người tinh hoa trong môi trường học tập khai phóng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đương đại, phát triển xã hội bền vững.

- **Giá trị cốt lõi:** Đồng thuận - Tận tâm - Chuẩn mực - Sáng tạo.

- **Triết lý giáo dục:** Cộng đồng – Toàn diện – Ưu việt

- **Mục tiêu giáo dục:** Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế. Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân.

- **Chính sách chất lượng:** Nhận thức tầm quan trọng của nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao và sự cạnh tranh mạnh mẽ về chất lượng đào tạo trong bối cảnh phát triển mới của quốc gia và quốc tế, Trường ĐHCT cam kết đảm bảo chất lượng thông qua thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; gắn lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho người học khi ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi. Trường cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lý của Trường sẽ được quy trình hóa, tin học hóa, áp dụng các phương thức quản trị cập nhật và được giám sát, đánh giá thường xuyên.

Trường ĐHCT đã tích cực trong hoạt động khoa học và công nghệ và ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hoá và xã hội. Trường đã và đang trở thành trung tâm đào tạo và NCKH uy tín của vùng, quốc gia và quốc tế. Trường luôn được xếp thứ hạng cao trong các trường đại học ở Việt Nam. Theo kết quả xếp hạng lĩnh vực của QS, với nhóm ngành Nông - Lâm nghiệp và được xếp trong nhóm hạng 301-350 của các trường đại học thế giới và đứng đầu trong số các cơ sở giáo dục trong nước. Đặc biệt, Trường đã sớm tạo được mối quan hệ hợp tác đào tạo, NCKH với các trường đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước. Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, năng lực quản lý và chuyên môn của đội ngũ cán bộ Trường đã được nâng cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm được bổ sung và hiện đại hóa, đáp ứng có hiệu quả yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng các ngành đào tạo. Ngoài ra, từ những kết quả của các công trình NCKH và hợp tác quốc tế, Trường đã tạo ra nhiều sản phẩm, quy trình công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống và xuất khẩu, tạo được uy tín trong nước và quốc tế.

Sự thành công của Trường ĐHCT có sự đóng góp rất lớn từ mối quan hệ hợp tác trong đào tạo SV và NCKH với nhiều trường đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước. Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, năng lực quản lý và chuyên môn của đội ngũ cán bộ Trường đã được nâng cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm được bổ sung và hiện đại hóa, đáp ứng có hiệu quả yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng các ngành đào tạo. Ngày nay, Trường ĐHCT đang phát huy năng lực đào tạo sau đại học nhằm thúc đẩy nhanh quá trình đào tạo nguồn nhân lực sau đại học chất lượng cao để phục vụ ngày càng hiệu quả cho sự phát triển chung của đất nước.

#### **Thông tin đào tạo của Trường:**

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Cần Thơ
- Địa chỉ: Khu II, đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
- Điện thoại: (0292) 3832663; Fax: (0292) 3838474; Email: dhct@ctu.edu.vn
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://www.ctu.edu.vn/>
- Địa chỉ trang thông tin điện tử tuyển sinh sau đại học: <https://gs.ctu.edu.vn/>

Hiện nay, Trường đã và đang tiếp tục hợp tác với các viện, trường đại học trên thế giới như: Delft University of Technology, Larenstein University of Professional Education (Hà Lan); Đại Học Bonn, Đại học Dresden (Đức); Đại học Khoa học kỹ thuật Quốc gia Đài Loan, Đại học NCU, NCTU (Đài Loan); Đại học Malaspina (Canada); Đại học La Rochelle, Đại học CNAM, Đại học Cachan (Pháp); Đại học California-Davis (Mỹ); Đại học Sydney, Đại học RMIT (Úc); cùng nhiều đại học lớn của các nước như

Thái Lan, Philipine, Malaysia, Campuchia, Lào, Nhật, Hàn Quốc, Đan Mạch... trong hoạt động đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ. Trường ĐHCT đã và đang thực hiện các nhiệm vụ NCKH, trong đó có nhiều đề tài khoa học cấp nhà nước, bộ và tỉnh. Trường ĐHCT có kinh nghiệm trong đào tạo, bồi dưỡng những người làm công tác NCKH; thường xuyên tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học chuyên ngành. Các giảng viên (GV) tham gia giảng dạy trong CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non đã và đang chủ trì hoặc tham các đề tài khoa học. Mỗi GV đều có các công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có trong danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quy định. Như vậy, Trường ĐHCT là môi trường rất thuận lợi để SV học tập và nghiên cứu, đáp ứng được các yêu cầu trong việc đào tạo giáo viên nói chung và giáo viên mầm non nói riêng.

### 1.3. Giới thiệu về Khoa Sư phạm

KSP là một trong 4 đơn vị đầu tiên của Viện ĐHCT (nay là Trường ĐHCT), được thành lập vào ngày 31/3/1966. Sau nhiều lần tái cấu trúc, nguồn nhân lực của KSP đã được điều động, hỗ trợ cho các đơn vị mới thành lập như Khoa Khoa học Tự nhiên (1996) và Khoa Dự bị Dân tộc (2007), Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn (2009), Khoa Ngoại ngữ (2015). Cơ cấu tổ chức của Khoa được thể hiện qua sơ đồ như sau (Hình 2).



**Hình 2. Sơ đồ tổ chức của Khoa Sư phạm**

Hiện tại, KSP có hơn 1.979 SV và hơn 200 học viên cao học đang theo học trực tiếp các CTĐT của Khoa. Trong công tác đào tạo, KSP luôn chú trọng việc đổi mới phương pháp dạy học (PPDH); áp dụng các hình thức và PPDH hiện đại, phát huy tính tích cực, tự lực và sáng tạo của SV. KSP đã nghiên cứu Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 để xây dựng nội dung CTĐT và các tiêu chí đầu ra. CTĐT giáo viên của KSP được cập nhật thường xuyên, đặc biệt chú trọng công tác thực hành kỹ năng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

Ngoài công tác đào tạo, trong nhiều năm qua, KSP đã thực hiện tốt các nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên các tỉnh ĐBSCL như: thay sách cải cách giáo dục, sách phân ban, hoàn thành công tác bồi dưỡng thường xuyên chu kì I (1995 – 1997), chu kì II (1997 – 2000) và chu kì III (2003 – 2007), bồi dưỡng giáo viên THPT khu vực ĐBSCL thực hiện chương trình – sách giáo khoa mới từ năm 2006 – 2009. Ngoài ra, KSP cũng đã tổ chức các khóa tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực, nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên THPT ở các tỉnh ĐBSCL. Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDĐT) đã giao nhiệm vụ cho KSP, Trường ĐHCT thực hiện những hoạt động quan trọng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo như: Dự án Phát triển Giáo dục THPT, Dự án Phát triển Giáo viên THPT và Trung cấp chuyên nghiệp. Các dự án này đã hỗ trợ xây dựng Trường THPT Thực hành Sư phạm tại Trường ĐHCT. Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã giao nhiệm vụ cho KSP phối hợp với Trường THPT Thực hành Sư phạm thực hiện thí điểm phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông chuẩn bị cho việc đổi mới sách giáo khoa sau năm 2015. Trong Giai đoạn II của Dự án Phát triển Giáo dục THPT, KSP là một trong 6 đơn vị được Bộ chọn cấp kinh phí để xây dựng Trung tâm Phát triển Kỹ năng Nghiệp vụ Sư phạm nhằm phát triển nguồn lực đội ngũ giáo viên phục vụ cho việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Trong năm học 2021-2022, KSP có 29 đề tài, 80 bài báo quốc tế, 91 bài báo trong nước, 04 bài đăng kỷ yếu khoa học ngoài nước, 21 bài kỷ yếu khoa học trong nước, 13 giáo trình đăng kí mới, 10 giáo trình được nghiệm thu, xuất bản 10 giáo trình, 03 sách chuyên khảo và 04 sách hướng. Ngoài ra trong năm học 2021-2022, các Bộ môn cũng đã tổ chức nhiều buổi báo cáo seminar để duy trì không khí sinh hoạt học thuật ở cấp đơn vị. Bên cạnh công tác nghiên cứu khoa học của cán bộ, công tác NCKH của SV KSP ngày càng được đẩy mạnh. Từ năm 2015 đến nay, KSP có tổng số 164 đề tài NCKH của SV. Hơn nữa, hàng năm SV của KSP được tham gia khóa trao đổi SV ngắn hạn với các trường đại học ở nước ngoài như Hàn Quốc, Thái Lan, Indonesia, Philippines... Không những vậy, sinh viên KSP cũng đã tham dự các cuộc thi cho SV khối ngành kỹ thuật trong và ngoài nước với sự dẫn dắt và hướng dẫn nhiệt tình của GV. Từ đó cho thấy KSP không những chú trọng công tác đào tạo mà còn rất quan tâm công tác NCKH, trao đổi học hỏi kinh nghiệm, học tập và làm việc của sinh viên KSP. Những điều này góp phần nâng cao chất lượng đầu ra của sinh viên KSP để có thể đáp ứng được yêu cầu công việc của người giáo viên.

KSP đã và đang xây dựng, phát triển các chương trình, dự án hợp tác với các trường và tổ chức quốc tế nhằm tăng cường trao đổi kiến thức trong lĩnh vực khoa học giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và NCKH thông qua một số chương

trình hợp tác với các đối tác quốc tế: Hogeschool van Amsterdam của Đại học Amsterdam (Chương trình MHO4); Đại học Sydney (Úc); Đại học Phranakhon Rajabhat, Đại học Surathanee Rajabhat, Đại học Khonkaen (Thái Lan); Đại học New South Wales (Úc); Trường Đại học Sư phạm Quốc Gia Daegu (Hàn Quốc), Đại học Quốc Gia Chiao Tung (Đài Loan); Đại học Quirino State (Philippine), Ngân hàng Thế giới; tổ chức USAID, tổ chức SEA teacher, chương trình Erasmus...

Hoạt động tác quốc tế của KSP được thực hiện bằng các hình thức: trao đổi giảng viên, sinh viên; giảng dạy và hướng dẫn sau đại học; tổ chức Hội nghị, hội thảo quốc tế; hợp tác nghiên cứu, công bố quốc tế... Để đẩy mạnh hợp tác, giao lưu quốc tế trong thời kỳ hội nhập, từ năm 2016, Trường ĐHTC có chủ trương cấp học bổng khuyến khích để hỗ trợ SV đi tham gia hội thảo, diễn đàn quốc tế, nhất là trong khối ASEAN. KSP đang có kế hoạch thực hiện chủ trương này bằng cách hàng năm tuyển chọn SV năm thứ ba, có trình độ tiếng Anh và học lực giỏi đi học tập, giao lưu với các trường đại học trong khu vực Đông Nam Á. Chương trình này đã được khởi động, cụ thể là đầu tháng 6 năm 2016, đoàn GV và SV của KSP gồm 07 thành viên đã đi giao lưu, học tập tại Trường Đại học Srinakharinwirot, Bangkok, Thái Lan trong vòng 02 tuần (Nguồn: Đề án Phát triển KSP Trường ĐHTC thành trung tâm đào tạo sư phạm, bồi dưỡng giáo viên và NCKH giáo dục tại ĐBSCL).

Hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ của KSP thông qua việc thực hiện đề tài NCKH, tham dự các hội nghị khoa học và các công trình xuất bản. Trong giai đoạn từ 2017 – 2022, KSP đã công bố 291 bài báo trên tạp chí quốc tế, 391 bài báo trong nước, 30 bài đăng trong kỷ yếu hội thảo nước ngoài, 230 bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc gia. GV của KSP đã chủ trì và tham gia 19 đề tài Nafosted, 13 đề tài cấp Bộ, 15 cấp Tỉnh/Thành phố, 79 đề tài cấp cơ sở, 263 báo cáo seminar, 61 đề tài cấp cơ sở do SV thực hiện. GV của KSP cũng đã biên soạn 82 giáo trình, tài liệu học tập phục vụ giảng dạy các học phần (HP) do KSP phụ trách. Định kỳ mỗi năm, KSP đều tổ chức Hội nghị NCKH cho SV và học viên cao học; 02 năm một lần tổ chức Hội thảo Khoa học dạng chuyên đề cấp quốc gia. Tiêu biểu là: Hội nghị khoa học Quốc tế Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên và hoạt động NCKH (Towards Quality Teacher Education & Educational Research) vào tháng 10 năm 2013, Hội thảo khoa học Quốc gia Cải tiến công tác đào tạo SV Sư phạm, nâng cao năng lực nghiên cứu và dạy học của giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông năm 2015; Hội thảo quốc tế về “Giáo dục đại học STEM cho phát triển Đồng bằng sông Cửu Long” năm 2017, Hội thảo Giáo dục ĐBSCL chủ động thích ứng với sự đổi mới và phát triển của đất nước (lần 1: năm 2021, lần 2: năm 2022 và lần 3: năm 2023)...

Trong lĩnh vực đào tạo giáo viên mầm non, KSP đã phối hợp với các chuyên gia các trường tổ chức các khoá tập huấn cho giáo viên và cán bộ quản lý mầm non như: Tập

huấn về dạy học dự án cho giáo viên mầm non năm 2018 (phối hợp với chuyên gia trường Đại học Sư phạm Phranakhone, Thái Lan), Tập huấn về giáo dục STEM/STEAM cho giáo viên mầm non của thành phố Cần Thơ năm 2019 (phối hợp với chuyên gia trường Đại học Hull, Vương quốc Anh), tập huấn phát triển chuyên môn cho giáo viên mầm non qua mô hình nghiên cứu bài học, năm 2019, Tập huấn về phương pháp Montessori năm 2019 (phối hợp với chuyên gia Viện Montessori quốc tế)...

## **2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

### *2.1. Nhu cầu về nguồn nhân lực đối với ngành đào tạo*

Nguồn nhân lực hay nguồn lực con người là “nguồn lực” đặc biệt của mỗi quốc gia, bao gồm trình độ học vấn, trình độ chuyên môn; phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống; kỹ năng nghề nghiệp; sức khỏe, mức độ thích ứng với điều kiện, hoàn cảnh công tác... của mỗi cá nhân hợp thành khả năng lao động xã hội. Nguồn lực con người, với nguồn vốn, nguồn tài nguyên thiên nhiên, cơ sở vật chất - kỹ thuật, khoa học - công nghệ... luôn có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong đó nguồn nhân lực có vai trò chi phối các nguồn lực khác; nghĩa là nguồn nhân lực là nhân tố quyết định việc khai thác, sử dụng, bảo vệ và tái tạo các nguồn lực khác. Vì vậy nguồn nhân lực quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia. Thực tiễn đã chứng minh, có những quốc gia không giàu về tài nguyên, điều kiện thiên nhiên khó khăn, khắc nghiệt như Nhật Bản, Israel, Singapore... nhưng với việc phát huy lợi thế nguồn nhân lực chất lượng cao, các nước này vẫn phát triển nhanh chóng, trở thành những cường quốc giàu mạnh trên thế giới.

Ở Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã nêu rõ các *mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2025 là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; Đến năm 2030 là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; Đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao*. Văn kiện Đại hội XIII đã chỉ rõ một trong các định hướng chiến lược là “*Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và sử dụng nhân tài...*”<sup>1</sup> Quan điểm này cho thấy Đảng xác định vấn đề phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là vấn đề sống còn của đất nước, là khâu then chốt, quyết định sự thành công của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Quan điểm “*Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu*” được khẳng định trong Hiến pháp năm 2013 và cũng được thể hiện rõ trong các văn kiện của Đảng.

Theo thống kê của BGDĐT, kết thúc năm học 2019-2020, toàn quốc có 364.776 giáo viên mầm non (tăng 2.604), bình quân toàn quốc đạt 1,82 giáo viên/lớp (tăng 0,02 giáo viên/lớp), tỷ lệ giáo viên mầm non đạt trình độ chuẩn đào tạo trở lên theo Luật Giáo

---

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội năm 2021, tr.36, 37.

đục năm 2019 đạt 73,7%. Số giáo viên còn thiếu ở các cơ sở giáo dục mầm non công lập là 45.242 giáo viên. Tính đến tháng 3 - 2020, số giáo viên hợp đồng lao động tại các cơ sở Giáo dục Mầm non công lập là hơn 48 nghìn người, gây khó khăn trong quá trình quản lý, không ổn định đội ngũ, khó khăn trong thực hiện chính sách đối với giáo viên. (Nguồn từ website [www.moet.gov.vn](http://www.moet.gov.vn)).

Riêng các tỉnh ĐBSCL hiện có 2029 trường mầm non, số giáo viên từ 13 tỉnh trong khu vực theo định mức năm học 2018-2019, còn thiếu 11.637 giáo viên mầm non (Nguồn từ: <https://moet.gov.vn/Pages/tim-kiem.aspx?ItemID=6017>). Hiện tại, ngành Giáo dục Mầm non đang được đào tạo tại các trường như Đại học Đồng Tháp, ĐHSPTP.HCM, Đại học An Giang và vẫn chưa cung ứng được đầy đủ nhu cầu về đội ngũ cho các địa phương.

Dựa vào những tiền đề và thực tiễn trên, Trường ĐHCT đã xây dựng chiến lược phát triển chung cho toàn trường, đẩy mạnh phát triển các ngành đào tạo bậc đại học và sau đại học, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao cho khu vực ĐBSCL. Trên cơ sở định hướng chung này, KSP đã tiến hành khảo sát ý kiến chuyên gia, nhà sử dụng lao động và người học tiềm năng về nhu cầu đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học. Có 30 chuyên gia, 48 nhà sử dụng lao động, 418 người học tiềm năng phản hồi ý kiến. Kết quả cho thấy ngành Giáo dục Mầm non hiện có nhu cầu lớn trong sử dụng nhân lực ở hiện tại và thời gian tới. Báo cáo kết quả khảo sát về nhu cầu đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non qua 3 đợt khảo sát và tại Hội thảo ý kiến các bên liên quan ngày 01/3/2023 được thể hiện cụ thể như sau:

- Kết quả khảo sát ý kiến chuyên gia đối với đối với ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học (dự kiến mở) của Khoa Sư phạm, Trường ĐHCT cho thấy nhu cầu xã hội đối với lực lượng lao động trình độ chuyên môn của ngành này là cần thiết. Hầu hết tất cả chuyên gia trả lời khảo sát đều cho rằng việc mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non là rất cần thiết (20% đại diện BLQ cho *Cần thiết* và 66,7% cho là *Rất cần thiết*).

- Kết quả khảo sát ý kiến các nhà quản lý và tuyển dụng đối với ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học (dự kiến mở) của KSP, Trường ĐHCT cho thấy có 60,4% cho rằng việc mở ngành đào tạo Giáo dục Mầm non là "*Rất cần thiết*", 29,2% thì cho rằng ngành này là "*Cần thiết*". Lý do được các nhà tuyển dụng đưa ra là giáo viên mầm non hiện nay đang thiếu, đặc biệt là đối với các hệ thống trường mầm non tư thục, các nhóm trẻ; đội ngũ cần học tập để nâng cao trình độ giáo viên cho khu vực ĐBSCL. Về khả năng tiếp nhận người học tốt nghiệp về công tác tại trường, có đến 91,7% nhà tuyển dụng được khảo sát đồng ý tiếp nhận tuyển dụng SV tốt nghiệp từ ngành Giáo dục Mầm non của trường ĐHCT.



- Kết quả khảo sát ý kiến người học tiềm năng và kết quả khảo sát điều kiện mở ngành đối với ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học (dự kiến mở) của KSP, Trường ĐHCT cho thấy nhu cầu tham gia học tập của ngành này rất lớn. Có đến 58,4% các em có nhu cầu đăng ký học ngành Giáo dục Mầm non của trường ĐHCT. Người học cũng đánh giá rất cao các năng lực trang bị cho người học thông qua học tập CTĐT ngành Giáo dục Mầm non.

Từ số liệu khảo sát trên cho thấy nhu cầu đào tạo ngành Giáo dục Mầm non là rất cần thiết và đảm bảo cho sự phát triển bền vững ngành giáo dục của khu vực ĐBSCL trong tương lai. Thực tế cũng cho thấy, nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực giáo viên mầm non có trình độ đại học cho các trường mầm non ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL trên thực tế là rất lớn; đồng thời đây là một ngành đào tạo phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, của các địa phương thuộc vùng ĐBSCL và cả nước.

Dựa vào những cơ sở đã trình bày bên trên, KSP đã đề xuất Hội đồng Khoa học và Đào tạo và Hội đồng Trường Đại học cho phép thực hiện đề án mở ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học. Hội đồng Trường ĐHCT đã ra Nghị quyết về thông qua việc mở ngành đào tạo này (Nghị Quyết nghị số 92/NQ-HĐT ngày 30/12/2022).

## *2.2. Lý do mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non*

### *2.2.1 Căn cứ pháp lý*

Ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học (dự kiến mở) dựa trên các căn cứ pháp lý sau đây:

- Quyết định 1982/QĐ - TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ban hành ngày 08/10/2018 về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

- Thông tư 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư 01/VBHN-BGD&ĐT ngày 28/4/2021 Văn bản hợp nhất ban hành về Chương trình Giáo dục Mầm non.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

- Quyết định 4799/QĐ-ĐHCT ngày 21 tháng 10 năm 2022 Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Cần Thơ.

### 2.2.2 Về mặt lý luận

Đào tạo cử nhân ngành Giáo dục Mầm non có năng lực nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, quản lý và NCKH tại các cơ sở giáo dục mầm non; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non để phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế; có khả năng thích nghi với môi trường giáo dục; có trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ Nhân dân; có khả năng tự học và tham gia các CTĐT sau đại học trong và ngoài nước.

### 2.2.3 Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, ĐBSCL vẫn được xem là một trong những vùng có chất lượng giáo dục thấp trong cả nước, số lượng và cả tỉ lệ nguồn nhân lực giáo dục có trình độ cao trong lĩnh vực giáo dục thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước. Ngành Giáo dục Mầm non đã được tuyển sinh tại các trường Đại học Sư phạm trong toàn quốc như trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học sư phạm Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Sư phạm TP HCM. Ở khu vực ĐBSCL có Đại học Đồng Tháp, Đại học An Giang, ĐH Trà Vinh,... Tại Thành phố Cần Thơ và các tỉnh lân cận như Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long,... chưa có trường nào mở ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học trong khi nhu cầu giáo viên mầm non của khu vực là rất lớn.

Trường ĐHCT xác định sứ mệnh là trở thành trung tâm đào tạo, NCKH chuyên giao công nghệ hàng đầu của quốc gia, có đóng góp hiệu quả vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng và của quốc gia. Trường cũng xác định mục tiêu sẽ tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế. Do đó, mở rộng quy mô đào tạo các ngành nghề rất phù hợp với sứ mệnh và mục tiêu giáo dục của Trường ĐHCT, góp phần tạo động lực cho sự phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục của vùng ĐBSCL.

Dựa vào những tiền đề trên, Trường ĐHCT đã xây dựng chiến lược phát triển chung cho toàn trường, đẩy mạnh phát triển đào tạo đại học và sau đại học để thúc đẩy hơn nữa quá trình đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao. KSP đã tiến hành lấy ý kiến của các chuyên gia về Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học. Có 30 chuyên gia phản hồi ý kiến, kết quả cho thấy tính cần thiết của CTĐT trình độ đại học khi có 20% đại diện BLQ cho *Cần thiết* và 66,7% cho là *Rất cần thiết*.

Hội đồng Trường ĐHCT ra Nghị quyết thông qua việc mở ngành đào tạo Giáo dục Mầm non trình độ đại học (92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022). Việc mở

ngành đào Giáo dục Mầm non trình độ đại học là phù hợp chiến lược phát triển chung cho toàn trường, đẩy mạnh phát triển đào tạo sau đại học để thúc đẩy hơn nữa quá trình đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao. Việc đào tạo cử nhân ngành Giáo dục Mầm non là phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của vùng ĐBSCL; phù hợp sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu của Trường ĐHCT.

*Tóm lại*, việc mở ngành đào tạo Giáo dục Mầm non trình độ đại học là rất cần thiết, đáp ứng được các yêu cầu về mặt lý luận, thực tiễn và đảm bảo các cơ sở pháp lý.

### **3. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**

Trường ĐHCT đã xây dựng CTĐT ngành Giáo dục Mầm non theo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT tạo các trình độ của giáo dục đại học tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của BGDĐT. Chương trình gồm 141 tín chỉ (TC), có đủ các đề cương chi tiết HP, trang bị cho SV các kiến thức và các kỹ năng cần thiết để có thể thực hiện được công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

#### **3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo**

- Quyết định 1982/QĐ - TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ban hành ngày 08/10/2018 về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

- Thông tư 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư 01/VBHN-BGD&ĐT ngày 28/4/2021 Văn bản hợp nhất ban hành về Chương trình Giáo dục Mầm non.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

- Quyết định 4799/QĐ-ĐHCT ngày 21 tháng 10 năm 2022 Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Cần Thơ.

CTĐT ngành Giáo dục Mầm non được xây dựng gồm 141 TC, chia thành 3 khối kiến thức: *Kiến thức đại cương*: 39 TC (Bắt buộc 24 TC; Tự chọn: 15 TC), *Kiến thức cơ sở ngành*: 44 TC (Bắt buộc 40 TC; Tự chọn: 4 TC) và *Kiến thức chuyên ngành*: 58 TC (Bắt buộc: 44 TC; Tự chọn: 14 TC).

### **3.2. Các văn bản liên quan quá trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo**

CTĐT được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định. Các văn bản liên quan đến quá trình xây dựng CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non gồm có:

1. Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ về sửa đổi, bổ sung kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030

2. Nghị quyết 92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ năm 2023, ở điểm 2.1 (khoản 2, điều 1) có ghi rõ chủ trương mở mới trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non (mã ngành: 7140201)

3. Quyết định số 99/QĐ-ĐHCT ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc thành lập hội đồng xây dựng CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non.

4. Quyết định số 71/QĐ-ĐHCT ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc thành lập hội đồng xây dựng đề án mở ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học.

5. Biên bản họp của Hội đồng xây dựng CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non ngày 06 tháng 02 năm 2023, 22/02/2023 và 02/3/2023.

6. Biên bản Hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non ngày 01 tháng 03 năm 2023.

7. Báo cáo tổng hợp điều chỉnh chương trình đào tạo theo góp ý của các bên liên quan ngày 03/3/2023

8. Quyết định số 835/QĐ-ĐHCT ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc thành lập hội đồng thẩm định CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non.

9. Biên bản Họp thẩm định CTĐT trình độ đại học ngày 10 tháng 03 năm 2023.

10. Tờ trình của Hội đồng xây dựng CTĐT về việc điều chỉnh CTĐT theo góp ý ngày 13 tháng 03 năm 2023.

11. Biên bản số 910/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 15 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ về việc thông qua chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non (mã ngành: 7140201).

12. Quyết định số 1021/QĐ-ĐHCT ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non.

13. Quyết định số 1047/QĐ-ĐHCT ngày 17/03/2023 về việc ban hành bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học.

### 3.3. Chương trình đào tạo tham khảo

CTĐT ngành Giáo dục Mầm non có tham khảo, đối sánh với CTĐT của 02 trường Đại học nước ngoài và 02 trường đại học trong nước:

#### a. Trong nước

- Chuẩn đào tạo và Chương trình Giáo dục Mầm non, Trường ĐHSP Hà Nội.

<http://daotao.hnue.edu.vn/Uploads/files/CDR-GDMN.pdf>

- Chuẩn đào tạo và Chương trình Giáo dục Mầm non, Trường ĐH Sài Gòn.

<https://giaoducmamnon.sgu.edu.vn/web/details/35/chu-n-d-u-ra>

#### b. Quốc tế

- Chuẩn đầu ra và CTĐT giáo viên mầm non của Khoa Sư phạm và Tâm lý - Đại học Kokkola - Phần Lan.

<https://www.avoin.jyu.fi/opinto-opas/en/education/varkandikou/>

- Chuẩn đầu ra và Chương trình CTĐT Cử nhân Giáo dục học (Giáo dục Mầm non) của Khoa Đào tạo Giáo viên, Trường Đại học Phranakhon Rajabhat, Thái Lan.

<https://cte.pnru.ac.th/childhood/detailmenu/1>

### 3.4. Khung chương trình đào tạo

CTĐT ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học được ban hành theo Quyết định số 1021/QĐ-ĐHCT ngày 16 tháng 3 năm 2023. Chương trình gồm 141 tín chỉ, được chia làm 3 khối kiến thức, cụ thể như sau:

- Khối kiến thức đại cương: 39 TC (Bắt buộc 24 TC; Tự chọn: 15 TC)

- Khối kiến thức cơ sở ngành: 44 TC (Bắt buộc 40 TC; Tự chọn: 4 TC)

- Khối kiến thức chuyên ngành: Cộng: 58 TC (Bắt buộc: 44 TC; Tự chọn: 14 TC)

Chi tiết CTĐT được trình bày cụ thể trong Phụ lục 3.

### 3.5. Kế hoạch đào tạo

Thiết kế kế hoạch đào tạo được bố trí các HP theo từng học kỳ. Mỗi học kỳ, SV được học từ 13 TC – 25 TC. Riêng học kỳ 1 học 13 TC bắt buộc do SV cần thời gian đầu để thích nghi với CTĐT. Ở học kỳ 4, SV đi thực tập và làm Luận văn tốt nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình đào tạo theo TC, SV có thể học nhanh, học chậm tùy theo năng lực. Kế hoạch đào tạo được trình bày trong Bảng 1 dưới đây:

**Bảng 1. Kế hoạch đào tạo**

TT	Mã số HP	Tên HP	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
<b>Học kỳ 1</b>									
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8		Bố trí theo nhóm ngành
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8		Bố trí theo nhóm ngành
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16		Bố trí theo nhóm ngành

TT	Mã số HP	Tên HP	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56		Bổ trí theo nhóm ngành
5	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30			
6	SG074E	Tiếng Việt cơ sở	2	2		30			
7	SG073E	Toán cơ sở	2	2		30			
		<b>Cộng</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>0</b>				
<b>Học kỳ 2</b>									
8	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		30			
9	TC100	Giáo dục thể chất 1,2,3 (*)	1+1 +1		3		30		SV tự chọn
10	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60			SV tự chọn
	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4						
	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			45			
	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4						
11	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			
12	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		
13	SG068	Âm nhạc cơ bản	2	2		15	30		
14	SG067E	Sinh lý học trẻ em	2	2		30			
15	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30			
		<b>Cộng</b>	<b>19</b>	<b>12</b>	<b>7</b>				
<b>Học kỳ 3</b>									
16	ML0116	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2		45		ML014	
17	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45			SV tự chọn
	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			
	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			
	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45			
18	SG063	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	2	2		30			
19	SG060	Giáo dục hòa nhập trong trường mầm non	2	2	2	30			
	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2			30			
	SG061	Giáo dục sớm trong bối cảnh giáo dục mầm non	2			30			
	SG062	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm trong trường mầm non	2			30			
20	SG070	Nghệ thuật múa cơ bản	2	2		15	30		
21	SG071	Nghệ thuật tạo hình cơ bản	3	3		15	60		
22	SG058	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	3	3		45		SP009	
23	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			SV tự chọn
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			

TT	Mã số HP	Tên HP	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
	KN001	Kỹ năng mềm	2			30			
	SG011	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			30			
		<b>Cộng</b>	<b>21</b>	<b>14</b>	<b>7</b>				
<b>Học kỳ 4</b>									
22	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024	<i>SV tự chọn</i>
25	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		XH005	
26	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	
27	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008	
28	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
29	SG059	Giáo dục học mầm non	3	3		45		SG058	
30	SG066E	Dinh dưỡng trẻ em	2	2		30			
31	SG065E	Vệ sinh và phòng bệnh trẻ em	2	2		30			
32	SG453	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường mầm non	2	2		15	30		
33	SG064E	Lý luận dạy học mầm non	2	2		30			
34	SG011E	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30			
35	SG069	Nhạc cụ	2	2			60		
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>17</b>	<b>3</b>				
<b>Học kỳ 5</b>									
36	SG471	Kiến tập sư phạm giáo dục mầm non	2	2			60	SG059	
37	SG076E	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	2	2		30			
38	SG079	Sơ cứu và phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ mầm non	2	2	2	15	30		
39	SG077	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2			30			
40	SG078	Giáo dục cảm xúc xã hội cho trẻ mầm non	2			30			
41	SG469	Thiết kế đồ dùng, đồ chơi cho trẻ	2	2		15	30		
42	SG476	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	3		30	30		
43	SG473	Phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	3	3		15	60		
44	SG072E	Văn học trẻ em	2	2		30			
45	SG483	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	2		15	30		
		<b>Cộng</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>2</b>				
<b>Học kỳ 6</b>									

TT	Mã số HP	Tên HP	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
46	SG451E	Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non	2	2		30			
47	SG482	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giáo dục mầm non	2	2			60		
48	SG470	Phương pháp đọc kể diễn cảm	3	3		30	30	SG072E	
49	ML019	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
50	SG474	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	3		15	60		
51	SG475	Phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non	3	3		15	60		
52	SG478	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	3		15	60		
53	SG075	Thực tế ngoài trường	1	1			30		
		<b>Cộng</b>	<b>19</b>	<b>19</b>					
<b>Học kỳ 7</b>									
54	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
55	SG480	Phương pháp dạy học âm nhạc cho trẻ mầm non	3	3		15	60		
56	SG481	Tổ chức hoạt động Giáo dục STEM/STEAM trong trường mầm non	2	2		15	30		
57	SG477	Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	3	3		30	30		
58	SG479	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	3	3		15	60		
59	SG484	Giáo dục đặc biệt và can thiệp sớm	2			30			
60	SG485E	Tham vấn trong giáo dục mầm non	2		4	30			
	SG486	Quản lý nhóm, lớp ở trường mầm non	2			30			
	SG487E	Giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non	2			30			
	SG488	Các mô hình giáo dục mầm non	2			30			
	SG489	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	2			15	30		
		<b>Cộng</b>	<b>17</b>	<b>13</b>	<b>4</b>				
<b>Học kỳ 8</b>									
61	SG472	Thực tập Sư phạm giáo dục mầm non	3	3			90	SG471	
62	SG491	Luận văn tốt nghiệp giáo dục mầm non	10		10		300	≥105TC	SV tự chọn



TT	Mã số HP	Tên HP	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
	SG490	Tiểu luận tốt nghiệp giáo dục mầm non	4				120	≥105TC	làm LVTN
	SG051	Trò chơi hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	2			15	30		TLTN hoặc HP thay thế
	SG052E	Tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo	2			15	30		
	SG053	Dàn dựng ca múa nhạc ở trường mầm non	2				60		
	SG054	Mỹ thuật ứng dụng ở trường mầm non	2				60		
	SG055E	Xây dựng môi trường tâm lý xã hội ở trường mầm non	2			30			
	SG056	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non	2			15	30		
		<b>Cộng</b>	<b>13</b>	<b>3</b>	<b>10</b>				
		<b>Tổng</b>	<b>141</b>	<b>10</b> <b>8</b>	<b>33</b>				

### 3.6. Điều kiện sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định

Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đảng ủy Trường ĐHCĐ về đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường ĐHCĐ theo hướng đại học thông minh đã đặt ra mục tiêu đến năm 2025, ít nhất 20% số HP áp dụng hình thức giảng dạy trực tuyến, đánh giá trải nghiệm khách quan trên máy tính.

Trong giai đoạn dịch bệnh, Trường ĐHCĐ đã tổ chức đào tạo trực tuyến, đã xây dựng các bài giảng, học liệu dạy học trực tuyến cho người học và có hệ thống giảng dạy trực tuyến e-learning (<https://elearning.ctu.edu.vn/>; <https://testing.ctu.edu.vn/>)

Trường ĐHCĐ đã ban hành quy định đào tạo trực tuyến theo quyết định số 25/QĐ-ĐHCĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 là cơ sở cho việc tổ chức và quản lý đào tạo trực tuyến của Trường.

### 3.7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

SV xây dựng kế hoạch học tập (KHHT) toàn khóa bằng cách liệt kê các HP phải học cho từng học kỳ của khóa học. KHHT được cố vấn học tập (CVHT), Bộ môn và Khoa quản lý ngành học tư vấn. KHHT là cơ sở để SV đăng ký HP trong mỗi học kỳ.

Đầu mỗi học kỳ, trường thông báo cho SV những HP sẽ giảng dạy trong học kỳ đó và thời khóa biểu của từng HP tương ứng.

SV phải thực hiện đăng ký HP trước khi học kỳ mới bắt đầu (SV mới trúng tuyển, không phải đăng ký HP cho học kỳ đầu tiên của khóa học). Các HP đăng ký phải theo KHHT.

Trước mỗi học kỳ SV vào hệ thống lập KHHT, SV chỉ được đăng ký HP cho học kỳ đó khi có lập KHHT. Mỗi năm học được tổ chức thành 3 học kỳ (trong đó có 02 học kỳ chính (học kỳ I và học kỳ II) và học kỳ phụ (học kỳ III):

+ Học kỳ I và học kỳ II là các học kỳ chính kéo dài 20 tuần; trong đó gồm 15 tuần học, 1 tuần dự trữ và thi những HP lẻ, 2 tuần thi HP chung, 1 tuần xử lý kết quả và 1 tuần nghỉ giữa hai học kỳ. Học kỳ 1 bắt đầu vào đầu tháng 8 đến cuối tháng 12, học kỳ 2 bắt đầu vào đầu tháng 1 đến cuối tháng 5.

+ Học kỳ III là học kỳ phụ kéo dài 8 tuần; trong đó gồm 5 tuần học, 3 tuần thi và xử lý kết quả. Học kỳ III bắt đầu vào giữa tháng 5 đến cuối tháng 6. Học kỳ III giúp SV rút ngắn thời gian học, cải thiện kết quả học tập. Không bắt buộc SV phải học học kỳ III. Kết quả học tập của học kỳ III không dùng vào việc xét học bổng, khen thưởng hay kỷ luật SV.

- Để bảo đảm tiến độ thời gian hoàn thành khóa học và bảo đảm chất lượng học tập, mỗi học kỳ SV đăng ký với số lượng TC như sau:

+ *Học kỳ chính*: SV được đăng ký tối đa 25 TC/ học kỳ. Đối với học kỳ đầu tiên, SV không phải đăng ký HP. Các HP của học kỳ này sẽ do Trường bố trí.

+ *Học kỳ phụ*: SV đăng ký tối đa 8 TC/học kỳ. Trường không bắt buộc SV phải học học kỳ này.

### 3.8 Hướng dẫn thực hiện tích lũy điểm học phần

Điểm HP là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của HP nhân với trọng số tương ứng. Điểm HP theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, được giảng viên phụ trách HP nhập điểm vào phần mềm quản lý trực tuyến và sau đó được hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4. Cách quy đổi điểm được thực hiện theo bảng dưới đây:

**Bảng 2 Cách quy đổi điểm học phần**

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

HP chỉ được tích lũy khi đạt từ điểm D trở lên. Điểm HP sẽ được công bố và ghi nhận với điểm số theo thang điểm 10 và điểm chữ. Điểm chữ được quy đổi sang điểm

số theo thang điểm 4 để tính Điểm trung bình chung học kỳ và Điểm trung bình chung tích lũy.

Các điểm HP khác:

+ *Điểm M*: Dùng để xác nhận HP SV được miễn học do đã tích lũy được bằng các hình thức khác. Điểm M không được tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy. Số tín chỉ của HP có điểm M được tính vào tổng số tín chỉ tích lũy. Để nhận điểm M, SV phải làm đơn có ý kiến của cố vấn học tập (CVHT) và trưởng Khoa xem xét theo từng học kỳ, kèm theo giấy tờ hợp lệ.

+ *Điểm I*: Dành cho các trường hợp chưa hoàn thành đầy đủ yêu cầu của HP (*SV đã dự học, dự các lần kiểm tra giữa HK, đã thực hiện các hoạt động liên quan đến HP như thí nghiệm, thực hành nhưng vì lý do bất khả kháng như ốm đau, tai nạn, ... đã vắng mặt trong buổi thi kết thúc HP và được cán bộ giảng dạy phụ trách HP chấp thuận cho bổ sung điểm*). Điểm I không được tính vào điểm trung bình chung học kỳ ở học kỳ đó. Để nhận được điểm I, SV phải làm đơn kèm theo hồ sơ hợp lệ nộp cho GV giảng dạy HP xem xét và trình trưởng Khoa duyệt. Thời hạn bổ sung điểm của HP do GV quy định nhưng không quá 1 năm kể từ ngày thi lần trước. Quá thời hạn trên, nếu SV không hoàn thành thì sẽ bị điểm F.

+ *Điểm W*: Dành cho các HP mà SV được phép rút theo quy định. Điểm W không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

### 3.9 Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo

#### 3.9.1. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của BGDĐT và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường ĐHCT.

#### **Thông tin tuyển sinh của ngành.**

- Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non
- Mã số ngành cấp IV: 7140201
- Hệ đào tạo: Chính quy
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Danh Hiệu: Cử nhân Giáo dục Mầm non
- Mã trường tuyển sinh: TCT
- Tổ hợp môn xét tuyển tuyển sinh:
  - + **M01** (Văn, Sử, Năng khiếu: Kể chuyện/Đọc diễn cảm),
  - + **M06** (Văn, Toán, Năng khiếu: Kể chuyện/Đọc diễn cảm)
  - + **M11** (Văn, Anh văn, Năng khiếu: Kể chuyện/Đọc diễn cảm).
- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 141 tín chỉ
- Thời gian đào tạo: 4 năm (tối đa là 8 năm)

**Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh:** Theo chỉ tiêu BGDĐT tạo phân giao.

### 3.9.2. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

Nhận thức tầm quan trọng của nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao và sự cạnh tranh mạnh mẽ về chất lượng đào tạo trong bối cảnh phát triển mới của quốc gia và quốc tế, Trường ĐHCT cam kết đảm bảo chất lượng thông qua thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; gắn lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho người học khi ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi. Trường ĐHCT cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lý của Trường sẽ được quy trình hóa, tin học hóa, áp dụng các phương thức quản trị cập nhật và được giám sát, đánh giá thường xuyên.

Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập:

- Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với lớp HP thông qua Hệ thống khảo sát của Nhà trường;
- Thời điểm lấy ý kiến người học: Sau khi kết thúc HP, sau khi kết thúc khóa học;
- Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học, bao gồm nội dung, mức độ, được thông báo tới các đơn vị chức năng, trưởng khoa, trưởng bộ môn và GV.

Việc kiểm định CTĐT được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018); thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

Trường ĐHCT đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 - 2023 và tiếp tục thực hiện kiểm định để đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục trong các giai đoạn tiếp theo.

Về CTĐT, định kỳ 02 năm thực hiện điều chỉnh CTĐT dựa vào đối sánh các chương trình đào tạo với các trường trong và ngoài nước kết hợp với kết quả khảo sát các bên liên quan. Sau khi tuyển sinh được 5 năm, chương trình sẽ được đánh giá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cho những khóa tiếp theo. Tiến hành kiểm định chất lượng CTĐT trong nước/AUN-QA sau khi đủ yêu cầu về thời gian đào tạo.

## **4. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỀ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

### *4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu*

Đội ngũ GV cơ hữu đứng tên mở ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học có đủ 05 TS có chuyên ngành về Khoa học Giáo dục, Giáo dục học, Tâm lý học (trong đó có 02 PGS) là cán bộ cơ hữu của cơ sở đào tạo, tất cả đều là ngành phù hợp với ngành đào tạo, có khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện CTĐT trình độ đại học. Cụ thể:

1) **TS. Lê Ngọc Hoá**, sinh năm 1983, Tiến Sĩ Khoa học Giáo dục, 2021; giảng viên cơ hữu của Trường từ 2008. Kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy là 15 năm Trong 05 năm gần nhất (từ 2018 – nay), đã công bố 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường và 02 bài báo trên các tạp chí uy tín, nội dung các công trình, bài báo liên quan trực tiếp đến giáo dục mầm non. Giảng viên có kinh nghiệm trong công tác giáo dục mầm non, quản lí nhóm trẻ mầm non, tham gia các lớp học và lớp tập huấn về giáo dục mầm non; được cấp các chứng chỉ, chứng nhận liên quan đến giáo dục mầm non. Là giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên (mã số 71402)

2) **PGS.TS. Trần Lương**, sinh năm 1976, Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, năm 2017, PGS ngành Giáo dục học năm 2021; giảng viên cơ hữu của Trường từ 2010. Kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy là 13 năm. Trong 05 năm gần nhất (từ 2018 – nay), đã công bố 04 bài báo khoa học với vai trò là tác giả chính thuộc WoS/Scopus; đã nghiệm thu 01 đề tài NCKH cấp cơ sở trong lĩnh vực khoa học giáo dục.

3) **TS. Nguyễn Thị Bích Phượng**, sinh năm 1981, Tiến sĩ Tâm lý học, năm 2018; giảng viên cơ hữu từ năm 2013. Kinh nghiệm giảng dạy là 10 năm. Trong 05 năm gần nhất (từ 2018 – nay), đã công bố 02 bài báo khoa học trên tạp chí khoa học, nội dung bài báo có liên quan đến lĩnh vực khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên.

4) **PGS.TS. Dương Hữu Tông**, sinh năm 1982, Tiến sĩ Khoa học giáo dục, năm 2016, Phó giáo sư Giáo dục học, năm 2021; giảng viên cơ hữu của Trường từ 2006. Kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy là 17 năm. Trong 05 năm gần nhất (từ 2018 – nay), đã công bố 05 bài báo khoa học với vai trò là tác giả chính thuộc WoS/Scopus/ISI trong lĩnh vực khoa học giáo dục.

5) **TS. Trịnh Thị Hương**, sinh năm 1979, Tiến sĩ Khoa học Giáo dục năm 2021. Kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy là 13 năm. Trong 05 năm gần nhất (từ 2018 – nay), đã công bố 08 bài báo khoa học với vai trò là tác giả chính/đồng tác giả trên các tạp chí khoa học có uy tín và thuộc WoS/Scopus (Q2); đã nghiệm thu 02 đề tài NCKH cấp cơ sở trong lĩnh vực khoa học giáo dục; thành viên chính tham gia đề tài có nội dung liên quan trực tiếp đến giáo dục mầm non.

Đội ngũ GV tham gia tổ chức thực hiện CTĐT ngành Giáo dục Mầm non có 53 người với 05 PGS, 24 TS và 24 Thạc sĩ có khả năng nghiên cứu, tổ chức hướng dẫn người học thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, hướng dẫn người học thực hiện đề tài NCKH và hướng dẫn thực tập, thực tế. Đội ngũ GV tham gia giảng dạy đã thực hiện nhiều đề tài NCKH có liên quan đến lĩnh vực khoa học giáo dục và giáo dục mầm non. Về xuất bản, đội ngũ GV đã công bố nhiều bài báo khoa học có liên quan đến lĩnh vực khoa học giáo dục nói chung và giáo dục mầm non nói riêng trên

tạp chí trong và ngoài nước. Thông tin cụ thể về đội ngũ GV cơ hữu, GV tham gia giảng dạy thực hiện chương trình được trình bày trong Bảng 3 dưới đây.

**Bảng 3. Danh sách GV cơ hữu tham gia giảng dạy ngành Giáo dục Mầm non**

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp
1	Lê Ngọc Hóa 09.05.1983		Tiến sĩ, Pháp, 2021	Khoa học giáo dục
2	Trần Lương 13.02.1976	PGS; 2021	Tiến sĩ, Việt Nam; 2017	Khoa học Giáo dục
3	Nguyễn Thị Bích Phượng 30.12.1981		Tiến sĩ; Việt Nam; 2018	Tâm lý học
4	Dương Hữu Tòng 27.08.1982	PGS; 2021	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học giáo dục
5	Trịnh Thị Hương 21.09.1979		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Khoa học giáo dục
6	Lê Viết Minh Triết 17.03.1986		Tiến sĩ; Việt Nam; 2022	Khoa học giáo dục
7	Nguyễn Thanh Liêm 16.02.1979		Tiến sĩ; Việt Nam; 2019	Giáo dục học
8	Lữ Hùng Minh 22.10.1990		Thạc sĩ; Việt Nam; 2015	LL&PPDH bộ môn Văn & tiếng Việt
9	Lưu Hoàng Anh 15.11.1975		Thạc sĩ; Việt Nam; 2017	Lý luận và PPDH Âm nhạc
10	Phạm Thanh Hùng 09.10.1976		Thạc sĩ; Việt Nam; 2014	Mỹ thuật tạo hình
11	Nguyễn Thị Linh 01.6.1982		Thạc sĩ; Việt Nam; 2009	LL&PPDH bộ môn Văn & tiếng Việt
12	Huỳnh Thái Lộc 11.9.1986		Tiến sĩ; Việt Nam; 2019	Khoa học giáo dục
13	Lữ Quốc Vinh 23.02.1983		Tiến sĩ; Pháp; 2019	Khoa học giáo dục
14	Dương Bích Thảo 18.05.1979		Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Vật lý kỹ thuật
15	Nguyễn Duy Sang 26.05.1982		Tiến sĩ; Việt Nam; 2020	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
16	Nguyễn Thị Ngọc Tuyên 21.07.1984		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Luật học
17	Nguyễn Thị Hồng Hạnh 26.05.1980		Tiến sĩ; Việt Nam; 2015	Ngữ văn

<b>Số TT</b>	<b>Họ và tên, ngày sinh</b>	<b>Chức danh khoa học, năm phong</b>	<b>Trình độ, nước, năm tốt nghiệp</b>	<b>Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp</b>
18	Hồ Thị Xuân Quỳnh 26.10.1974		Thạc sĩ; Việt Nam; 2006	Lý luận văn học
19	Trần Văn Thịnh 07.07.1977		Tiến sĩ; Việt Nam; 2023	Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam
20	Bùi Thị Thúy Minh 17.02.1978		Tiến sĩ; Việt Nam; 2022	Lý luận văn học
21	Hoàng Thị Kim Liên 29.01.1989		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Tâm lý học
22	Mai Thị Yến Lan 04.11.1978		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Quản lý giáo dục
23	Lê Văn Nhung 25.02.1982		Tiến sĩ; Việt Nam; 2019	Khoa học giáo dục
24	Võ Huy Bình 31.8.1987		Thạc sĩ; Việt Nam; 2018	LL&PP dạy học bộ môn Văn & tiếng Việt
25	Nguyễn Trọng Hồng Phúc 08.5.1983		Tiến sĩ Úc, 2015	Sinh học
26	Trần Thị Anh Thu; 25.09.1977		Thạc sĩ; Việt Nam; 2006	Sinh học
27	Trần Thị Kiểm Thu, 10.09.1987		Tiến sĩ Việt Nam, 2022	LL& PPDH BM Vật lý
28	Lê Quỳnh Phương Thanh 05.10.1986		Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Luật
29	Nguyễn Văn Nở 14.4.1960	PGS; 2011	Tiến sĩ, Việt Nam; 2008	Ngữ văn
30	Nguyễn Thụy Thùy Dương 18.01.1986		Thạc sĩ; Việt Nam; 2012	Ngôn ngữ học
31	Bùi Phương Uyên 12.06.1986	PGS; 2022	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Khoa học giáo dục
32	Đỗ Thị Phương Thảo 03.09.1982		Tiến sĩ; Thái Lan; 2015	Khoa học Giáo dục
33	Huỳnh Anh Huy 09.04.1980		Tiến sĩ Đức, 2012	Khoa học tự nhiên
34	Trịnh Chí Tâm 01.01.1986		Thạc sĩ; Australia; 2015	Khoa học giáo dục
35	Lê Nguyễn Ngọc Yến 15.02.1982		Tiến sĩ; CHND Trung hoa; 2021	Giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao

<b>Số TT</b>	<b>Họ và tên, ngày sinh</b>	<b>Chức danh khoa học, năm phong</b>	<b>Trình độ, nước, năm tốt nghiệp</b>	<b>Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp</b>
36	Nguyễn Hải Yến 10.12.1983		Thạc sĩ; Việt Nam; 2010	LL&PP dạy Bộ môn Văn & tiếng Việt
37	Trần Thị Nâu 23.7.1973		Tiến sĩ; Nga; 2012	Khoa học giáo dục
38	Chung Thị Thanh Hằng 02/9/1973		Thạc sĩ, Australia, 2004	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh
39	Phạm Phương Tâm 06.04.1971	PGS; 2022	Tiến sĩ; Việt Nam; 2017	Khoa học Giáo dục
40	Nguyễn Thị Thuỳ My 24.9.1988		Thạc sĩ; Việt Nam; 2018	LL&PP dạy học bộ môn Lịch sử
41	Phan Huy Hùng 06.09.1967		Tiến sĩ Việt Nam; 2012	QL Hành chính công
42	Huỳnh Thị Thúy Diễm 12.3.1973		Tiến sĩ, Thái Lan, 2018	Khoa học Giáo dục
43	Tổng Lê Minh 17.04.1977		Thạc sỹ; CHND Trung hoa; 2011	Huấn luyện giáo dục thể chất
44	Cao Ngọc Báu 17.07.1970		Tiến sỹ; Việt Nam; 2022	Giáo dục học
45	Lê Nhựt Đăng Khoa 20.11.1973		Thạc sĩ; Việt Nam; 2013	Quân sự
46	Nguyễn Khánh Ngọc 17.11.1986		Thạc sĩ; Việt Nam; 2013	LL&PP dạy tiếng Anh
47	Nguyễn Trần Huỳnh Mai 10.07.1984		Thạc sĩ; Pháp; 2015	Quản lý giáo dục
48	Nguyễn Thị Đan Thụy 26.11.1978		Tiến sĩ; Việt Nam; 2022	Chủ nghĩa Duy vật Biện chứng & Chủ nghĩa duy vật lịch sử
49	Lê Thị Thúy Hương 24.02.1985		Thạc sĩ; Việt Nam; 2012	Chính trị học
50	Lê Thị Bích Diễm 27.02.1971		Thạc sĩ; Việt Nam; 2014	Hồ Chí Minh học
51	Nguyễn Nam Phương 26.06.1986		Thạc sĩ; Việt Nam; 2017	Luật
52	Lâm Thị Bích Trâm 28.09.1990		Thạc sĩ; Việt Nam; 2019	Luật
53	Lê Thanh Sơn 26.10.1979		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh tế



#### 4.2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

Chiến lược phát triển Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2035 đã nêu lên hiện trạng nguồn nhân lực và đề ra kế hoạch hành động để xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự của Trường bao gồm các giải pháp về tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ và công chức của Trường đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào Chiến lược của Trường, KSP đã xây dựng Kế hoạch phát triển, trong đó cũng đã xác định Quy mô về số lượng và chất lượng đội ngũ GV để đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH. Đội ngũ GV cơ hữu của KSP được theo dõi để đánh giá, điều chỉnh về số lượng và chất lượng. Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu của KSP phụ trách giảng dạy các HP cơ sở ngành và chuyên ngành, các HP đại cương được giảng dạy bởi nhiều GV từ các khoa Khoa Giáo dục thể chất, Khoa Khoa học Chính trị, Khoa Ngoại Ngữ, Khoa Luật, Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh của Trường ĐHCT.

KSP hiện có 120 viên chức, trong đó có 105 GV (02 GS, 13 PGS, 45 TS và 45 thạc sĩ), chiếm 87,5%; có 05 viên chức hành chính, 01 viên chức thư viện, 01 viên chức phòng máy, 03 kỹ sư phòng thí nghiệm, 01 nhân viên phục vụ giảng dạy, 02 tạp vụ, 01 bảo vệ và 01 viên chức phòng học. Trong năm học 2021 – 2022, KSP có thêm 02 GV được bổ nhiệm PGS, 02 viên chức hoàn thành xong luận án TS, 02 viên chức dự tuyển TS và 01 viên chức dự tuyển Thạc sĩ; cử 03 viên chức học TS và 01 viên chức học thạc sĩ. Hiện nay, Khoa có 21 viên chức đang học sau đại học, trong đó 16 học bậc tiến sĩ, 02 học sau TS và 03 bậc thạc sĩ.

KSP đã xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV đến năm 2030 bao gồm việc tuyển dụng và đào tạo đội ngũ:

- Thực hiện tốt các quy định của Bộ, Trường về công tác tổ chức nhân sự; tuyển dụng GV trên cơ sở nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và xây dựng đội ngũ theo hướng mở ngành đào tạo mới đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục phổ thông mới của vùng ĐBSCL và cả nước.

- Tiếp tục cử GV đi học theo nhu cầu nhân lực của Khoa và và Bộ môn, ưu tiên cho các chuyên ngành về khoa học giáo dục, khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài. Thực hiện đúng quy định về yêu cầu tiến trình phấn đấu nâng cao trình độ đối với GV theo Quyết định số 5870/QĐ-ĐHCT, ngày 17/12/2013.

- Tiếp tục tạo điều kiện cho GV tham gia các hoạt động NCKH, tích cực tham gia hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước; hỗ trợ GV đạt học hàm, chức danh nghề nghiệp mức cao hơn trong thời hạn ngắn nhất.

Dự kiến đến năm 2030, KSP có thêm 03 GS, 24 PGS, 03 TS. Tỷ lệ GV có trình độ TS trở lên sẽ chiếm trên 60% số lượng GV.

## 5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

### 5.1 Điều kiện cơ sở vật chất hiện hữu bảo đảm mở ngành đào tạo

Trường ĐHCT có tổng diện tích đất đang sử dụng hơn 224 ha bao gồm 3 Khu tại thành phố Cần Thơ (Khu I, II và III) và 1 Khu Hoà An tại tỉnh Hậu Giang và các Trạm trại thực nghiệm trong và ngoài vùng ĐBSCL. Trong đó, các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường được bố trí tập trung tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Cơ sở đào tạo tập trung chủ yếu tại khu II với tổng diện tích 714.200 m<sup>2</sup>. Hiện nay mỗi đơn vị đào tạo trong Trường đều được bố trí quản lý trực tiếp 01 khu vực với ít nhất là 01 tòa nhà, trên đó bố trí nơi hoạt động của bộ máy hành chính, nơi làm việc của các GV và các phòng thí nghiệm, thực hành. Ngoài ra, trong các khu nhà làm việc còn được bố trí các phòng học dùng chung cho SV trong Trường.

Trường ĐHCT có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành. Trường ĐHCT có tỷ lệ diện tích tính trên tổng số NH chính quy là 81,93 m<sup>2</sup>/NH, lớn hơn đáng kể so với quy định 25 m<sup>2</sup>/NH theo Thông tư 24/2015/TT-BGDĐT ban hành ngày 23/09/2015 về quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học, và cũng lớn hơn tỷ lệ tiêu chuẩn 55 – 85 m<sup>2</sup>/NH quy định trong tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Với tổng diện tích sàn xây dựng là 120.913,18 m<sup>2</sup>, tỷ lệ diện tích sàn xây dựng/NH đạt 4,4 m<sup>2</sup>/NH vượt mức chuẩn 3 m<sup>2</sup>/NH được quy định theo Thông tư 24/2015/TT-BGDĐT.

**Bảng 4. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá**

Nội dung	ĐVT	Tổng số	Ghi chú
1. Tổng diện tích đất đai	m <sup>2</sup>	<b>2.249.773,47</b>	
1.1. Diện tích khu 1	m <sup>2</sup>	62.251,50	
1.2. Diện tích khu 2	m <sup>2</sup>	714.200,97	
1.3. Diện tích khu 3	m <sup>2</sup>	5.527,20	
1.4. Diện tích khu Hoà An	m <sup>2</sup>	1.112.901,00	
1.5. DT đất lò gạch Bùng Bình	m <sup>2</sup>	23.726,00	
1.6. DT đất Trại thực nghiệm Vĩnh Châu	m <sup>2</sup>	171.142,10	
1.7. DT đất Nhà cộng đồng An Bình	m <sup>2</sup>	291,00	
1.8. DT đất tại tỉnh Kon Tum	m <sup>2</sup>	159.733,70	
2. Giảng đường, hội trường, phòng học *			
2.1. Số phòng/hội trường các loại	phòng	444	
2.2. Tổng diện tích	m <sup>2</sup>	62.315,30	
3. Phòng học ngoại ngữ, đa phương tiện, biên dịch*			
3.1. Số phòng	phòng	15	

Nội dung	ĐVT	Tổng số	Ghi chú
3.2. Tổng diện tích	m <sup>2</sup>	830.94	
4. Thư viện và Trung tâm học liệu	m <sup>2</sup>	11.795.00	
5. Phòng thí nghiệm, thực hành thí nghiệm, thực hành máy tính, xưởng, trại và bệnh xá thú y*			
5.1. Số phòng	phòng	141	
5.2. Tổng diện tích	m <sup>2</sup>	54.640.00	
6. Phòng làm việc của GS, PGS, GV cơ hữu*	m <sup>2</sup>	10.945.89	
7. Ký túc xá			
7.1. Số phòng	phòng	1.330	
7.2. Tổng diện tích	m <sup>2</sup>	73.020.60	
8. Nhà ăn của cơ sở đào tạo	m <sup>2</sup>	2.320,00	
9. Nhà thể dục thể thao (02 nhà)	m <sup>2</sup>	4.965,00	
10. Sân vận động và sân TDTT (Khu I: 02 sân cầu lông + 01 sân tennis; Khu II: 03 sân bóng đá, 15 sân bóng chuyền, 02 sân cầu lông, 02 sân TDTT ngoài trời); Khu Hòa An: 03 sân TDTT ngoài trời, 01 sân bóng đá nền cát, 06 sân bóng đá cỏ nhân tạo	m <sup>2</sup>	55.879,00	

Trường ĐHCT có đủ phòng chuyên môn, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu với trang thiết bị cần thiết bảo đảm để SV có thể thực hành (thực hành âm nhạc, hội họa, tập giảng, múa...), nghiên cứu (hệ thống máy tính ở trung tâm học liệu, nguồn học liệu trực tuyến mở...) và học tập. Số liệu về cơ sở vật chất của trường được trình bày cụ thể trong Phụ lục 4 (mẫu 6 và mẫu 8).

Thư viện Trường ĐHCT có đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để SV tìm hiểu, tra cứu khi thực hiện nghiên cứu và học tập như giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học trong và ngoài nước; thư viện điện tử có thể liên kết với các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước.

**Bảng 5. Thống kê về học liệu trong thư viện Trường Đại học Cần Thơ**

TT	Tên CSDL điện tử	Tên nước	Địa chỉ website	Đại học Cần Thơ truy cập
1.	Trung tâm Học liệu trường Đại học Cần Thơ	Việt Nam	<a href="http://www.lrc.ctu.edu.vn">www.lrc.ctu.edu.vn</a>	<a href="http://www.lrc.ctu.edu.vn">www.lrc.ctu.edu.vn</a>
2.	Thư viện Pháp luật Việt Nam	Việt Nam	<a href="https://thuvienphapluat.vn/">https://thuvienphapluat.vn/</a>	<a href="https://thuvienphapluat.vn/">https://thuvienphapluat.vn/</a>
3.	CABI Direct	Anh	<a href="http://www.cabi.org/default.aspx?site=170&amp;page=1028">http://www.cabi.org/default.aspx?site=170&amp;page=1028</a>	<a href="https://ezproxy.ctu.edu.vn:2077/cabdirect/search/">https://ezproxy.ctu.edu.vn:2077/cabdirect/search/</a>

TT	Tên CSDL điện tử	Tên nước	Địa chỉ website	Đại học Cần Thơ truy cập
4.	Emerald Emerging Markets Case Studies	Anh	<a href="http://www.emeraldgroupublishing.com">www.emeraldgroupublishing.com</a>	<a href="https://ezproxy.ctu.edu.vn/login?url=https://www.emerald.com/insight">https://ezproxy.ctu.edu.vn/login?url=https://www.emerald.com/insight</a>
5.	Emerald e-journal	Anh	<a href="http://www.emeraldgroupublishing.com">www.emeraldgroupublishing.com</a>	<a href="https://ezproxy.ctu.edu.vn:2171/insight/products">https://ezproxy.ctu.edu.vn:2171/insight/products</a>
6.	Sage	Hoa Kỳ	<a href="https://journals.sagepub.com/">https://journals.sagepub.com/</a>	<a href="https://ezproxy.ctu.edu.vn:2266/en-us/nam/journals">https://ezproxy.ctu.edu.vn:2266/en-us/nam/journals</a>
7.	Ebrary ebooks	Hoa Kỳ	<a href="http://www.Ebrary.com">www.Ebrary.com</a>	<a href="https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/home.action">https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/home.action</a>
8.	IngentaConnect	Anh	<a href="http://www.Ingenta.com">www.Ingenta.com</a>	<a href="https://ezproxy.ctu.edu.vn:2094/">https://ezproxy.ctu.edu.vn:2094/</a>
9.	Lyell Collection	Anh	<a href="http://www.lyellcollection.org">http://www.lyellcollection.org</a>	<a href="http://www.lyellcollection.org">http://www.lyellcollection.org</a>
10.	JSTOR	Hoa Kỳ	<a href="https://www.jstor.org/">https://www.jstor.org/</a>	Open Access
11.	Viện xuất bản tài liệu số đa ngành (MDPI)	Thụy Sĩ	<a href="https://www.mdpi.com/">https://www.mdpi.com/</a>	Open Access
12.	Openlibrary	Hoa Kỳ	<a href="https://openlibrary.org/">https://openlibrary.org/</a>	Open Access
13.	AGORA (FAO)	Liên Hiệp Quốc	<a href="http://www.fao.org/agora">http://www.fao.org/agora</a>	Open Access
14.	HINARI (WHO)	Liên Hiệp Quốc	<a href="http://extranet.who.int/hinari/en/journals.php">http://extranet.who.int/hinari/en/journals.php</a>	Open Access
15.	ARDI	Liên Hiệp Quốc	<a href="http://ardi.wipo.int/content/en/journals.php">http://ardi.wipo.int/content/en/journals.php</a>	Open Access
16.	OARE	Liên Hiệp Quốc	<a href="http://oare.research4life.org/content/en/journals.php">http://oare.research4life.org/content/en/journals.php</a>	Open Access
17.	GOALI	Liên Hiệp Quốc	<a href="http://goali.ilo.org/content/en/journals.php">http://goali.ilo.org/content/en/journals.php</a>	Open Access
18.	IMF	IMF	<a href="https://www.elibrary.imf.org">https://www.elibrary.imf.org</a>	Open Access

Tóm lại, Trường ĐHTC có đủ phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu với trang thiết bị cần thiết bảo đảm đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho SV học tập và nghiên cứu. Thư viện Trường ĐHTC có đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để SV tìm hiểu, tra cứu trong quá trình học tập và nghiên cứu. Các sách, giáo trình, tạp chí khoa học trong và ngoài nước, thư viện điện tử có thể liên kết với các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước. Trường còn có Trung

tâm Phát triển Kỹ năng Sư phạm, Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ Sư phạm và trường THPT Thực hành Sư phạm. Website của Trường được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, công khai thu chi tài chính. Trường ĐHCT có đủ phòng học, phòng chuyên đề với trang thiết bị cần thiết bảo đảm điều kiện học tập và giúp NH có thể học tập, nghiên cứu.

## 5.2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất

Trường ĐHCT được BGDĐT giao thực hiện Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT sử dụng nguồn vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản. Thời gian thực hiện dự án từ tháng 10 năm 2015 đến tháng 10 năm 2022 với 05 hợp phần chính: phát triển nguồn lực (đào tạo TS và thạc sĩ tại Nhật), dự án nghiên cứu, phát triển cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị và dịch vụ tư vấn. Mục tiêu dài hạn của Dự án là nâng cấp Trường ĐHCT thành trường đại học xuất sắc, được quốc tế công nhận trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, môi trường và các lĩnh vực liên quan, góp phần phát triển kinh tế - xã hội (trong đó có giáo dục), thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, gia tăng giá trị kinh tế ở ĐBSCL. Hiện nay, Dự án đã hoàn thành đầy đủ các hợp phần và đưa vào sử dụng các công trình xây dựng cũng như trang thiết bị được đầu tư trong Dự án. Ngoài ra, Dự án còn phát sinh phần kinh phí tiết kiệm (vốn kết dư) sau khi hoàn thành các hợp phần. Vốn kết dư này được đưa vào kế hoạch sử dụng và đang chờ sự phê duyệt của BGDĐT.

Vốn kết dư được sử dụng để tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ nghiên cứu và giảng dạy. Các hợp phần được đề xuất sử dụng vốn kết dư bao gồm: i) xây dựng công trình Trung tâm đào tạo quốc tế (IETC); ii) Mua sắm bổ sung thiết bị đào tạo và nghiên cứu. Những Hợp phần này đã được nghiên cứu và đánh giá tính cấp thiết. Hiệu quả sử dụng đã được nhà tài trợ JICA đồng thuận. Đặc biệt, các thiết bị công nghệ cao bổ sung cho Trung tâm thiết bị dùng chung nhằm hướng tới xây dựng phòng thí nghiệm chuẩn mực quốc tế và hiện đại, góp phần nâng cao vị thế của Trường ĐHCT; hỗ trợ thu hút SV quốc tế, trao đổi học thuật.

Hạng mục công trình xây dựng Trung tâm Đào tạo Quốc tế (IETC) sẽ bổ sung thêm các phòng học, giảng đường cho SV bậc đại học và bậc sau đại học của Trường ĐHCT, đặc biệt thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, môi trường và các lĩnh vực có liên quan. Các tòa nhà hiện có của các Khoa và Trường thành viên có rất ít phòng học, giảng đường quy mô lớn, các phòng học đa truyền thông, phòng hội nghị truyền hình. Việc đầu tư xây dựng IETC cũng hỗ trợ cải thiện các môn học lý thuyết và đóng góp vào hoạt động nghiên cứu qua mạng với các trường đại học Nhật Bản cũng như các nước khác qua hệ thống hội thảo truyền hình. Ngoài ra, phòng hội thảo sẽ được dùng để tổ chức hội thảo quốc tế về nghiên cứu, giúp Trường ĐHCT mở rộng mạng lưới nghiên cứu với các trường và viện nghiên cứu trên thế giới.

## 6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

### 6.1. Đơn vị phụ trách quản lý ngành đào tạo

Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý hành chính trình độ đại học của Trường ĐHCT là Phòng đào tạo. Phòng đào tạo tham mưu giúp Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng thực hiện công tác định hướng, xây dựng và phát triển ngành nghề đào tạo; công tác tuyển sinh; kế hoạch đào tạo; quy định và quy trình đào tạo; công tác tổ chức giảng dạy; công tác xét tốt nghiệp, cấp phát văn bằng và chứng chỉ; biên soạn giáo trình cho các loại hình đào tạo bậc đại học và bậc cao đẳng hệ chính quy và hệ dự bị đại học. Quy chế hoạt động của Phòng đào tạo được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHCT.

### 6.2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở

Đơn vị chuyên môn được giao quản lý các hoạt động chuyên môn, GV, người học đối với ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học là KSP. Cán bộ cơ hữu quản lý ngành đào tạo cấp đơn vị chuyên môn được thể hiện ở Bảng 6.

**Bảng 6. Danh sách cán bộ cơ hữu quản lý ngành đào tạo**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Huỳnh Anh Huy Sinh năm 1980, Trưởng Khoa	Tiến sĩ, năm 2012	Khoa học tự nhiên	Trưởng đơn vị đào tạo
2	Lê Văn Nhung Sinh năm 1982, Phó trưởng Khoa	Tiến sĩ, năm 2019	Khoa học giáo dục	Phó Trưởng ĐVĐT phụ trách công tác đào tạo
3	Trần Ngọc Đạt Sinh năm 1978, Trợ lý đào tạo Khoa	Cử nhân, năm 2010	Ngôn ngữ Anh	Trợ lý đào tạo
4	Trịnh Thị Hương Sinh năm 1979, Trưởng Bộ môn	Tiến sĩ, năm 2021	Khoa học giáo dục	Trưởng đơn vị quản lý ngành
5	Dương Hữu Tông Sinh năm 1982, Phó trưởng Bộ môn	PGS.TS, năm 2021	Khoa học giáo dục	Cán bộ quản lý phụ trách đào tạo của ngành

## 7. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

### 7.1. Dự báo các rủi ro khi mở ngành và triển khai tuyển sinh

Ngành đào tạo Giáo dục Mầm non trình độ đại học được dự kiến mở trên cơ sở đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định, xác định nhu cầu thực

tiền của xã hội. Tuy nhiên, để có được cái nhìn toàn diện theo sự phát triển ngày càng nhanh của xã hội, một số rủi ro cần phải cân nhắc và có phương án ngăn ngừa và xử lý.

Dưới đây là một số rủi ro khi ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học được triển khai tuyển sinh:

- Trường hợp không tuyển sinh đủ chỉ tiêu hoặc tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện để mở lớp

- NH bỏ học, trễ tiến độ do gặp khó khăn đột xuất về kinh tế nên không hoàn thành nghĩa vụ tài chính; người học chọn lựa ngành học chưa phù hợp nên khó hoàn thành CTĐT; không đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; do chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu.

- Sự biến động về đội ngũ GV do thiếu lực lượng kế thừa khi GV nghỉ hưu, chuyển công tác;

- Rủi ro về tuyển sinh: Sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực;

- Rủi ro về thị trường lao động; Rủi ro về bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

## 7.2. Giải pháp và phương án để ngăn ngừa và xử lý rủi ro

### 7.2.1. Giải pháp xử lý trường hợp không tuyển sinh đủ chỉ tiêu hoặc tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện để mở lớp

Kết quả khảo sát thực tế cho thấy nhu cầu đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non là rất lớn nên khả năng không tuyển sinh được là rất thấp. Tuy nhiên, trong trường hợp không tuyển sinh được vì nhiều nguyên nhân khác nhau thì đơn vị đào tạo sẽ tăng cường thêm công tác quảng bá (trực tiếp; gián tiếp qua trang mạng xã hội và các trường phổ thông, tư vấn tuyển sinh), tiếp cận nhà tuyển dụng để cập nhật yêu cầu, khảo sát lại nhu cầu xã hội.

Trong trường hợp tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện để mở lớp, đơn vị đào tạo sẽ tăng cường liên kết với đơn vị sử dụng lao động để thu hút người học; luôn định kỳ đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu hút người học.

### 7.2.2. Giải pháp xử lý người học bỏ học, trễ tiến độ

Vấn đề NH bỏ học, trễ tiến độ cũng gặp phải đối với tất cả các ngành đang đào tạo tại trường ĐHCT hiện nay.

Giải pháp chung: Cần có CTĐT, kế hoạch giảng dạy phù hợp với NH và hỗ trợ NH cụ thể, rõ ràng và hiệu quả tạo sự tin tưởng, an tâm từ NH; đảm bảo đội ngũ GV giỏi về chuyên môn và có phương pháp giảng dạy hiện đại, phù hợp để tạo sự hứng thú cho NH. Trường chú trọng xây dựng các chính sách, quy định về mặt quản lý và thủ tục hành chính đơn giản, thuận tiện sẽ góp phần hạn chế, khắc phục được việc NH bỏ học, học trễ tiến độ.

Các giải pháp cụ thể đã và đang được áp dụng:

CVHT định hướng, theo dõi tình hình học tập của NH, tạo nhiều kênh thông tin liên lạc để kịp thời phát hiện các nguyên nhân NH bỏ học, trễ tiến độ, kết hợp với lãnh đạo đơn vị và các phòng ban chức năng để có phương án hỗ trợ kịp thời, hợp lý.

Phòng Công tác sinh viên mỗi học kỳ sẽ có các thống kê tình trạng học tập, tình hình nợ học phí của NH gửi về các đơn vị đào tạo; trên cơ sở đó, các đơn vị đào tạo kịp thời thông tin, trao đổi với NH để tìm hiểu nguyên nhân, từ đó có phương án hỗ trợ.

Trường và các đơn vị đào tạo tổ chức các Hội nghị về đào tạo và tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp chậm tiến độ để có các giải pháp điều chỉnh phù hợp.

+ Với trường hợp NH gặp khó khăn đột xuất về tài chính: Trường và các đơn vị đào tạo xem xét từng trường hợp để linh động giải quyết; Trường có các nguồn kinh phí dành riêng cho việc hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đột xuất, các học bổng tài trợ để tháo gỡ một phần khó khăn về tài chính cho NH. Phương thức này vẫn đang được áp dụng trong thời gian qua đối với tất cả các ngành học của trường.

+ Với trường hợp NH chọn lựa ngành học chưa phù hợp nên khó hoàn thành CTĐT: Công tác tư vấn tuyển sinh cần được chú trọng để người học tiềm năng dự kiến và chọn lựa đúng ngành học phù hợp. Ngoài ra, quy chế học vụ của Trường cũng cho phép SV được chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác.

+ Với trường hợp NH không theo kịp tiến độ do gặp khó khăn về hoàn thành ngoại ngữ: CVHT nhắc nhở thường xuyên về yêu cầu ngoại ngữ.

+ Với trường hợp NH không theo kịp tiến độ do quá bận việc hay chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu: CVHT cần định hướng, nhắc nhở tiến trình học tập, hỗ trợ điều chỉnh KHHT để học tập để NH có thể hoàn thành chương trình học ở mỗi học kỳ.

*7.2.3. Giải pháp xử lý sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác*

Nếu không có đủ GV có chuyên môn để đảm bảo chất lượng giảng dạy, hoạt động quản lý và NCKH, thì ngành đào tạo sẽ không thể hoạt động hiệu quả.

Phương án phòng ngừa: Trường có chính sách hỗ trợ và động viên phù hợp để giữ chân GV; tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, phát triển NCKH cũng là cách để cải thiện chất lượng giảng dạy. Đồng thời, có kế hoạch phát triển nguồn lực cụ thể, có chính sách thu hút GV để đảm bảo có đủ lực lượng kế thừa.

*7.2.4. Giải pháp xử lý sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực*

Sự gia tăng các cơ sở đào tạo đối với ngành Giáo dục Mầm non là điều tất yếu. Phương án phòng ngừa:

Đảm bảo chất lượng đào tạo và nâng cao uy tín của trường đại học để thu hút GV có trình độ cao và giúp các SV cảm thấy tin tưởng hơn về chất lượng đào tạo của trường.



Khảo sát định kỳ nhu cầu thực tiễn của người sử dụng lao động, chuyên gia để kịp thời điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo; giúp tạo thị trường lao động ổn định, qua đó tạo sự cạnh tranh về chất lượng và thương hiệu đối với các cơ sở đào tạo khác.

Đẩy mạnh công tác tuyển sinh: Công tác tuyển truyền và tư vấn tuyển sinh là quan trọng. Việc giới thiệu ngành đào tạo và tư vấn tuyển sinh được thực hiện liên tục thông qua nhiều kênh khác nhau từ trực tiếp đến trực tuyến và bao gồm nhiều cấp độ khác nhau từ cấp trường, khoa đến cấp bộ môn để đảm bảo việc tư vấn tuyển sinh đạt hiệu quả cao nhất nhằm duy trì việc đào tạo và phát triển ngành trong tương lai. Việc đẩy mạnh quảng bá thông tin tuyển sinh, điều chỉnh chính sách tuyển sinh, tiếp cận các trường THPT đặc biệt là hệ thống mạng lưới các trường phổ thông vệ tinh vào những thời điểm quan trọng trước khi thí sinh đăng ký và điều chỉnh nguyện vọng của các đợt tuyển sinh.

#### *7.2.5. Giải pháp xử lý rủi ro về thị trường lao động*

Những biến động khách quan như dịch Covid vừa qua, hay chủ quan do việc xác định nhu cầu xã hội chưa đúng thực tế, sự tuyển sinh ồ ạt của các trường đào tạo cùng ngành là nguyên nhân làm tăng rủi ro về thị trường lao động do cung vượt cầu.

Phương án phòng ngừa: Khảo sát định kỳ yêu cầu của nhà tuyển dụng để chủ động điều chỉnh, bổ sung các nội dung, HP cần thiết; tăng cường hợp tác với các Sở Giáo dục và Đào tạo, hệ thống trường mầm non quốc tế, tư thực để SV có nhiều cơ hội việc làm; tăng cường khả năng kết nối đến các đơn vị tuyển dụng, phối hợp với các đơn vị để tổ chức ngày hội việc làm. Nói chung, nhà trường tích cực xúc tiến việc tìm kiếm cơ hội thực tập và việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp để đảm bảo nhu cầu thị trường lao động cho ngành Giáo dục Mầm non.

#### *7.2.6 Giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo*

Nếu ngành đào tạo Giáo dục Mầm non không đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đối với một số tiêu chuẩn như đội ngũ GV, CTĐT, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, thực tập, hoặc kết quả đào tạo, thì nhà trường có thể bị đình chỉ ngành đào tạo này.

Trong trường hợp này, một số phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, nhà trường và các bên liên quan, cụ thể như sau:

- Đối với GV, trong trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo, Trường cần có kế hoạch, thông báo để cho GV có sự chủ động trong sắp xếp công việc; hoặc tạo điều kiện cho GV có cơ hội tham gia các lớp đào tạo/đào tạo lại các lĩnh vực chuyên môn gần để GV có thể có sự chuyển đổi khi cần thiết.


- Đối với người học, nhà trường liên hệ với các cơ sở đào tạo có cùng mã ngành đào tạo Giáo dục Mầm non để gửi người học tham gia tiếp quá trình học tập; rà soát các ngành cùng trình độ đang đào tạo tại trường, lựa chọn các ngành cùng nhóm mà học

viên đảm bảo đáp ứng đầu vào để tư vấn chuyển ngành cho người học; hoặc chuyển trường cho người học theo nguyện vọng.

- Thực hiện các hành động khắc phục nguyên nhân bị đình chỉ trong thời gian sớm nhất để BGDDĐT ban hành quyết định cho phép hoạt động ngành đào tạo trở lại.

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non, mã ngành 7140201 đã được xây dựng đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trường Đại học Cần Thơ cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, bảo đảm chất lượng đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. 

#### **Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo)
- Hội đồng Trường;
- Đăng website Trường;
- Lưu: VT, KSP, PĐT.



## **PHẦN 2: CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN**

**Phụ lục 1.** Nghị quyết của Hội đồng trường Trường ĐHCT phê duyệt đề án mở ngành đào tạo và các biên bản thẩm định đề án

**Phụ lục 2.** Hồ sơ đề xuất chủ trương mở ngành

**Phụ lục 3.** Hồ sơ xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo

**Phụ lục 4.** Hồ sơ xác nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng mở ngành đào tạo

**Phụ lục 5.** Hồ sơ xác nhận điều kiện tự chủ của Trường ĐHCT

**Nghị quyết của Hội đồng trường Trường ĐHCT phê duyệt đề án mở ngành đào tạo và các biên bản thẩm định đề án**

1. Nghị quyết 97/NQ-HĐT ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc phê duyệt đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non.
2. Biên bản thông qua đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ số 1059/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 28 tháng 3 năm 2023.
3. Biên bản thẩm định đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ số 1016/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 27 tháng 3 năm 2023.
4. Quyết định số 1091/QĐ-ĐHCT ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc thành lập Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non.
5. Biên bản họp hội đồng thẩm định đề án về việc kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm chất lượng ngành đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non ngày 23 tháng 3 năm 2023.
6. Biên bản họp hội đồng thẩm định đề án về việc thẩm định đề án mở ngành đào tạo ngày 23 tháng 3 năm 2023; Phiếu đánh giá thẩm định đề án.
7. Tờ trình về việc điều chỉnh đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non theo biên bản thẩm định đề án của Hội đồng thẩm định đề án mở ngành ngày 24 tháng 3 năm 2023.
8. Quyết định số 71/QĐ-ĐHCT ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc thành lập hội đồng xây dựng đề án mở ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học.
9. Kế hoạch số 15/KH-ĐHCT ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (nhóm ngành đào tạo giáo viên).

**Hồ sơ đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo**

1. Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ về sửa đổi, bổ sung kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030
2. Mẫu phiếu khảo sát chuyên gia về nhu cầu nhân lực đối với ngành đào tạo dự kiến mở
3. Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát chuyên gia về nhu cầu nhân lực đối với ngành đào tạo dự kiến mở.
4. Phiếu tự đánh giá đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo
5. Tờ trình số 190/KSP ngày 21 tháng 11 năm 2022 đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo và minh chứng
6. Minh chứng ký kết hợp tác với các doanh nghiệp
7. Minh chứng ký kết hợp tác quốc tế
8. Biên bản số 3757/BB-ĐHCT-HĐKHĐT, ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, có kết luận đồng ý với đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non.
9. Nghị quyết 92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ năm 2023, ở điểm 2.1 (khoản 2, điều 1) có ghi rõ chủ trương mở mới trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non (mã ngành: 7140201)

**Hồ sơ xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo**

1. Quyết định số 99/QĐ-ĐHCT ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc thành lập hội đồng xây dựng CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non.
2. Biên bản họp của Hội đồng xây dựng CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non ngày 06 tháng 02 năm 2023.
3. Mẫu phiếu khảo sát các bên liên quan về nhu cầu đào tạo ngành GDMN (NSDLĐ và NH)
4. Báo cáo khảo sát các BLQ về nhu cầu đối với ngành đào tạo GDMN.
5. Bảng đối sánh CTĐT đã xây dựng và CTĐT quốc tế, CTĐT trong nước.
6. Biên bản họp của Hội đồng xây dựng CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non ngày 22 tháng 02 năm 2023.
7. Biên bản họp ngày 01 tháng 03 năm 2023 về việc lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non.
8. Biên bản họp của Hội đồng xây dựng CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non ngày 02 tháng 3 năm 2023.
9. Báo cáo tổng hợp điều chỉnh chương trình đào tạo theo góp ý của các bên liên quan ngày 03/3/2023
10. Quyết định số 835/QĐ-ĐHCT ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc thành lập hội đồng thẩm định CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non.
11. Biên bản Hội đồng thẩm định CTĐT trình độ đại học ngày 10 tháng 03 năm 2023.
12. Phiếu đánh giá chương trình đào tạo
13. Phiếu thẩm định chương trình đào tạo.
14. Tờ trình của Hội đồng xây dựng CTĐT về việc điều chỉnh CTĐT theo góp ý ngày 13 tháng 03 năm 2023.
15. Biên bản số 910/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 15 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ về việc thông qua chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non (mã ngành: 7140201).
16. Quyết định số 1021/QĐ-ĐHCT ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non (*đính kèm chương trình đào tạo*)
17. Quyết định số 1047/QĐ-ĐHCT ngày 17/03/2023 về việc ban hành bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học (*đính kèm bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non*).

**Hồ sơ xác nhận các điều kiện bảo đảm chất lượng ngành đào tạo**

Phụ lục 4a: Các bảng danh mục các điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo

Phụ lục 4b: Lý lịch khoa học và văn bằng của giảng viên

Phụ lục 4c: Hồ sơ minh chứng đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên

Phụ lục 4d: Hồ sơ minh chứng công bố khoa học của giảng viên

Phụ lục 4e: Phiếu tự đánh giá hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo

## **PHỤ LỤC 4a**

### **Danh mục điều kiện thực tế của Trường Đại học Cần Thơ**

1. Mẫu 1: Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; GV cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo
2. Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các HP trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo
3. Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo
4. Mẫu 4: Danh mục đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan đến ngành đào tạo
5. Mẫu 5a: Danh mục các công trình khoa học công bố của giảng viên
6. Mẫu 6: Danh mục CSVN, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo
7. Mẫu 7: Thư viện
8. Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo



## **PHỤ LỤC 4b**

### **Lý lịch khoa học và văn bằng của giảng viên**

1. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo
2. Lý lịch khoa học và văn bằng

**PHỤ LỤC 4c**

**Hồ sơ minh chứng đề tài NCKH của giảng viên**

## **PHỤ LỤC 4d**

**Hồ sơ minh chứng công bố khoa học của giảng viên**

**PHỤ LỤC 4e**

**Phiếu tự đánh giá hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo**

**Hồ sơ xác nhận điều kiện tự chủ của Trường Đại học Cần Thơ**

1. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.
2. Danh mục các văn bản minh chứng các điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở đào tạo theo quy định của Luật GDĐH, Nghị định 99.

Phụ lục 5.1: Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học



Phụ lục 5.2: Các văn bản minh chứng các điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở đào tạo

STT	Tên văn bản	Số văn bản, ngày ban hành	Người ký ban hành (họ và tên, chức vụ)	Đường dẫn công khai văn bản trên trang thông tin điện tử của CSĐT
1	Quyết định công nhận Hội đồng trường	675/QĐ-BGDĐT, ngày 06/3/2018	Phùng Xuân Nhạ, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT	<a href="https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/vbcb/2018-03-06-QD-so-675-Thanh-lap-HD-Truong-2017-2022.pdf">https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/vbcb/2018-03-06-QD-so-675-Thanh-lap-HD-Truong-2017-2022.pdf</a>
2	Quyết định rà soát, kiện toàn Hội đồng trường			
2.1	<i>Quyết định công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 - 2025</i>	3054/QĐ-BGDĐT, ngày 16/10/2020	Phùng Xuân Nhạ, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT	<a href="https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/QD_HoiDongTruong_NK_2020-2025.pdf">https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/QD_HoiDongTruong_NK_2020-2025.pdf</a>
2.2	<i>Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 - 2025</i>	3055/QĐ-BGDĐT, ngày 16/10/2020	Phùng Xuân Nhạ, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT	<a href="https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/QD_Chutich_HDT_3055_QD_BGDDT.pdf">https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/QD_Chutich_HDT_3055_QD_BGDDT.pdf</a>
2.3	<i>Nghị quyết về việc bổ nhiệm Thư ký Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025</i>	02/NQ-HĐT, ngày 02/11/2020	Nguyễn Thanh Phương, Chủ tịch Hội đồng trường	<a href="https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/NQ_02_dau_Bo_nhiem_thu_ky_HDT.pdf">https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/NQ_02_dau_Bo_nhiem_thu_ky_HDT.pdf</a>
2.4	<i>Quy chế làm việc của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020-2025</i>	09/NQ-HĐT, ngày 27/11/2020	Nguyễn Thanh Phương, Chủ tịch Hội đồng trường	<a href="https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/NQ_09_Quy_che_lam_viec_HDT_2020-2025_dau.pdf">https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/NQ_09_Quy_che_lam_viec_HDT_2020-2025_dau.pdf</a>

STT	Tên văn bản	Số văn bản, ngày ban hành	Người ký ban hành (họ và tên, chức vụ)	Đường dẫn công khai văn bản trên trang thông tin điện tử của CSĐT
2.5	<i>Nghị quyết Thành lập các ban chuyên môn của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020-2025</i>	10/NQ-HĐT, ngày 27/11/2020	Nguyễn Thanh Phương, Chủ tịch Hội đồng trường	<a href="https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/NQ_10_NQ_thanh_lap_cac_ban_chuyen_mon_dau.pdf">https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/NQ_10_NQ_thanh_lap_cac_ban_chuyen_mon_dau.pdf</a>
2.6	<i>Nghị quyết Thành lập thường trực Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020-2025</i>	11/NQ-HĐT, ngày 27/11/2020	Nguyễn Thanh Phương, Chủ tịch Hội đồng trường	<a href="https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/NQ_11_NQ_thanh_lap_thuong_truc_HDT_dau.pdf">https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/NQ_11_NQ_thanh_lap_thuong_truc_HDT_dau.pdf</a>
2.7	<i>Quyết định công nhận bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 - 2025</i>	2932/QĐ-BGDĐT, ngày 10/10/2022	Nguyễn Kim Sơn, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT	<a href="https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/QD_HoiDongTruong_NK_2020-2025-bosung.pdf">https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/QD_HoiDongTruong_NK_2020-2025-bosung.pdf</a>
3	Quyết định công nhận đạt chuẩn chất lượng CSĐT	14/QĐ-TTKĐ, ngày 19/5/2018	Nguyễn Quốc Chính, Phó Giám đốc	<a href="https://qat.ctu.edu.vn/images/upload/QuyếtDinh_KH/QD_14_Quyết-dinh-cap-Giay-chung-nhan-KCLGD_CSGD_Truong-HCT.pdf">https://qat.ctu.edu.vn/images/upload/QuyếtDinh_KH/QD_14_Quyết-dinh-cap-Giay-chung-nhan-KCLGD_CSGD_Truong-HCT.pdf</a>
4	Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học			
4.1	<i>Nghị quyết ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ</i>	29/NQ-HĐT, ngày 19/5/2020	Nguyễn Thanh Phương, Chủ tịch Hội đồng trường	<a href="https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/vbct/29_19052020_Nghi_quyet_ve_Quy_che_TC_">https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/vbct/29_19052020_Nghi_quyet_ve_Quy_che_TC_</a>



STT	Tên văn bản	Số văn bản, ngày ban hành	Người ký ban hành (họ và tên, chức vụ)	Đường dẫn công khai văn bản trên trang thông tin điện tử của CSĐT
				va_Hoat_dong_CT U.pdf
4.2	<i>Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19/5/2020 của Hội đồng trường về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ</i>	12/NQ-HĐT, ngày 02/02/2021	Nguyễn Thanh Phương, Chủ tịch Hội đồng trường	<a href="https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/NQ_12_sua_QCTC_va_HT_dau.pdf">https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/NQ_12_sua_QCTC_va_HT_dau.pdf</a>
4.3	<i>Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ</i>	31/NQ-HĐT, ngày 25/6/2021	Nguyễn Thanh Phương, Chủ tịch Hội đồng trường	<a href="https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/NQ_31_Sua_doi_quy_che_TC_va_HD_CTU.pdf">https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/NQ_31_Sua_doi_quy_che_TC_va_HD_CTU.pdf</a>
5	Nghị quyết về việc ban hành Quy chế Tài chính Trường Đại học Cần Thơ	15/NQ-HĐT, ngày 19/3/2021	Nguyễn Thanh Phương, Chủ tịch Hội đồng trường	<a href="https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/NQ_15_Quy_che_tai_chinh_Dai_hoc_Can_Tho.pdf">https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/NQ_15_Quy_che_tai_chinh_Dai_hoc_Can_Tho.pdf</a>
6	Quy định chính sách bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục đại học			
6.1	<i>Quyết định về việc ban hành Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng của</i>	1086/QĐ-ĐHCT, ngày 17/4/2014	Hà Thanh Toàn, Hiệu trưởng	<a href="https://qat.ctu.edu.vn/images/upload/QuyuetDinh_KH/QD-1086_Quydinghoat">https://qat.ctu.edu.vn/images/upload/QuyuetDinh_KH/QD-1086_Quydinghoat</a>

STT	Tên văn bản	Số văn bản, ngày ban hành	Người ký ban hành (họ và tên, chức vụ)	Đường dẫn công khai văn bản trên trang thông tin điện tử của CSĐT
	<i>Trường Đại học Cần Thơ</i>			dongDBCLTruongDHCT_2014.PDF
6.2	<i>Quyết định về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Cần Thơ</i>	1087/QĐ-ĐHCT, ngày 17/4/2014	Hà Thanh Toàn, Hiệu trưởng	<a href="https://qat.ctu.edu.vn/images/upload/QuyuetDinh_KH/QD1087_Quy-dinh-to-chuc-va-hoat-dong-Hoi-dong-DBCL-Truong-DHCT_final_2014.pdf">https://qat.ctu.edu.vn/images/upload/QuyuetDinh_KH/QD1087_Quy-dinh-to-chuc-va-hoat-dong-Hoi-dong-DBCL-Truong-DHCT_final_2014.pdf</a>
6.3	<i>Quyết định về việc ban hành mục tiêu giáo dục của Trường ĐHCT</i>	3627/QĐ-ĐHCT, ngày 27/10/2022	Hà Thanh Toàn, Hiệu trưởng	<a href="https://qat.ctu.edu.vn/images/upload/QuyuetDinh_KH/QD-3627-Muc_tieu_giao_duc_cua_Truong_DHCT_281020.pdf">https://qat.ctu.edu.vn/images/upload/QuyuetDinh_KH/QD-3627-Muc_tieu_giao_duc_cua_Truong_DHCT_281020.pdf</a>
6.4	<i>Kế hoạch kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường ĐHCT giai đoạn 2021-2030</i>	1096/KH-ĐHCT-QLCL, ngày 07/6/2021	Nguyễn Hiếu Trung, Phó Hiệu trưởng	<a href="https://qat.ctu.edu.vn/images/upload/QuyuetDinh_KH/KH-1096_KH_KDCL-CTDT-2021-2030.pdf">https://qat.ctu.edu.vn/images/upload/QuyuetDinh_KH/KH-1096_KH_KDCL-CTDT-2021-2030.pdf</a>
6.5	<i>Quyết định về việc ban hành Quy định về thu thập ý kiến phản hồi và góp ý từ các bên liên quan.</i>	4784/QĐ-ĐHCT, ngày 18/11/2021	Hà Thanh Toàn, Hiệu trưởng	<a href="https://qat.ctu.edu.vn/images/upload/QuyuetDinh_KH/QD4784_Quy-dinh-ban-hanh-quy-dinh-thu-thap-y-kien-phan-hoi-va-gop-y-tu-BLQ.pdf">https://qat.ctu.edu.vn/images/upload/QuyuetDinh_KH/QD4784_Quy-dinh-ban-hanh-quy-dinh-thu-thap-y-kien-phan-hoi-va-gop-y-tu-BLQ.pdf</a>
7	Quy định phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải			

STT	Tên văn bản	Số văn bản, ngày ban hành	Người ký ban hành (họ và tên, chức vụ)	Đường dẫn công khai văn bản trên trang thông tin điện tử của CSĐT
	trình đến từng đơn vị, cá nhân trong cơ sở đào tạo			
7.1	Nghị quyết ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ	23/NQ-HĐT, ngày 09/01/2020	Nguyễn Thanh Phương, Chủ tịch Hội đồng trường	<a href="https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/vbct/23_09012020_NQ_Quy_che_dan_chu_co_so.pdf">https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/vbct/23_09012020_NQ_Quy_che_dan_chu_co_so.pdf</a>
7.2	Quyết định phê duyệt khung năng lực vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ phục vụ và bản mô tả vị trí việc làm tại Trường Đại học Cần Thơ	1910/QĐ-ĐHCT, ngày 24/6/2021	Hà Thanh Toàn, Hiệu trưởng	<a href="https://dp.ctu.edu.vn/images/upload/vanban-quydingh/QD1910.2021.pdf">https://dp.ctu.edu.vn/images/upload/vanban-quydingh/QD1910.2021.pdf</a>